|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Ðộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM QUỐC TẾ**

**VỀ Luật Giao dịch điện tử**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTTTT ngày /7/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Thực hiện Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trong thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi, thay thế Luật Giao dịch điện tử 2005.

Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Đề nghị xây dựng Luật Giao dịch điện tử sửa đổi, thay thế Luật Giao dịch điện tử 2005, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thực hiện nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các nội dung liên quan đến Luật Giao dịch sửa đổi của các nước. Bộ Thông tin và Truyền thông xin tổng hợp các nội dung đã nghiên cứu như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh của Luật Giao dịch điện tử các nước**

Qua quá trình nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế liên quan đến giao dịch điện tử, Bộ Thông tin và truyền thông nhận thấy, trên thế giới hiện này có hơn 100 quốc gia trên thế giới đã có khung khổ pháp lý liên quan đến giao dịch điện tử. Về cơ bản phạm vi các quy định pháp luật có liên quan đến giao dịch điện tử của các quốc gia trên thế giới là khác nhau vì quy định về giao dịch điện tử có thể được điều chỉnh trong những văn bản luật có tên khác nhau. Cụ thể như sau:

(i) Luật Giao dịch điện tử: Singapore; Barbados; Brunei; Argentina; Australia; Dominica; Ghana; Indonesia; Jamaica; Jordan; Lào; Liberia; Myanmar; Nepal; Nigeria; Pakistan; Hàn Quốc; Ả rập xê út; Slovakia; Srilanka; Sudan; Thái Lan; Tanzania; Việt Nam.

(ii) Luật Thương mại điện tử: Liên minh Châu Âu (Chỉ thị về thương mại điện tử); Honduras; Hungary; Iran; Ai len; Luxembourg; Malyasia; Malta; Philippines; Rumani; Syria; Macedonia; Cam-pu-chia.

(iii) Luật Chữ ký điện tử: Trung Quốc; Albania; Argentina; Áo; Croatia; Hàn Quốc; Đan Mạch; Ai Cập; Ethiopia; Pháp; Israel; Lào; Malyasia; Mexico; Hà Lan; Na Uy; Ba Lan; Liên bang Nga; Tây Ba Nha; Thụy Điển; Syria; Thổ Nhĩ Kỳ; Hoa Kỳ.

(iv) Ngoài các đạo luật có tên kể trên, một số quốc gia điều chỉnh vấn đề giao dịch điện tử trong một số văn bản quy phạm có tên khác nhau như:

* Luật văn bản điện tử và chữ ký số (Bulgaria);
* Luật bảo vệ thông tin cá nhân và văn bản điện tử (Canada);
* Luật về các dịch vụ tin cậy đối với giao dịch điện tử (Cộng hòa Séc);
* Luật Công nghệ thông tin (Ấn Độ);
* Luật về Chữ ký điện tử và Dịch vụ xác thực (Nhật Bản);
* Luật Khung về văn bản và giao dịch điện tử (Hàn Quốc);
* Luật về truyền thông và giao dịch điện tử (Nam Phi);
* Luật Truyền thông điện tử (Anh);
* Luật Liên bang về Thương mại và giao dịch điện tử (Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất).

(v) Qua khảo sát khoảng các quốc gia có Luật Giao dịch điện tử như tại ví dụ (i) nêu trên, ngoài Việt Nam, hầu hết các quốc gia đều không đề cập đến điều khoản quy định về các trường hợp ngoại lệ mà Luật Giao dịch điện tử 2005 của Việt Nam không điều chỉnh. Chỉ một số ít quốc gia có đề cập đến điều khoản quy định về các trường hợp ngoại lệ mà Luật Giao dịch điện tử 2005 của Việt Nam không điều chỉnh như:

- Trung Quốc có đề cập đến điều khoản về các trường hợp ngoại lệ tại Luật Chữ ký điện tử năm 2004 được ban hành trước Luật Giao dịch điện tử 2005 của Việt Nam.

- Singapore cũng có đề cập đến các trường hợp ngoại lệ tại Luật Giao dịch điện tử năm 2010 được nêu tại phụ lục của luật.

**2. Quy định về giá trị pháp lý của giao dịch điện tử trong pháp luật các nước**

- Về cơ bản, đa số các quốc gia trên thế giới quy định ngắn ngọn công nhận rằng thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ bởi thông điệp dữ liệu đó được thể hiện dưới phương tiện điện tử. Một số quốc gia có thêm dẫn chiếu đến các quy định pháp luật khác, theo đó, giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu/ hợp đồng được ký bằng phương tiện điện tử có thể sẽ bị phụ thuộc vào các quy định pháp luật đặc thù, chuyên ngành khác. Chi tiết được thể hiện ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Quốc gia** | **Quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu tại Luật Giao dịch điện tử Hoặc Luật Thương mại điện tử một số quốc gia** |
| Ấn Độ | Ấn Độ quy định hành lang pháp lý đối với giao dịch điện tử tại Luật Công nghệ thông tin (IT Act 2000) trên cơ sở Luật mẫu của UNCITRAL. Luật công nhận giá trị pháp lý đối với giao dịch được thực hiện bằng phương tiện trao đổi dữ liệu điện tử và các phương tiện giao tiếp điện tử khác (còn gọi là thương mại điện tử). Cụ thể liên quan tới việc sử dụng phương thức thay thế cho phương thức truyền thống và lưu trữ thông tin trên giấy, nhằm tạo điều kiện nộp hồ sơ điện tử với cơ quan chính phủ.  |
| Úc | Một giao dịch không phải là không hợp lệ bởi vì nó đã diễn ra toàn bộ hoặc một phần bằng một hoặc nhiều phương tiện điện tử. |
| Brunei | Thông tin sẽ không bị từ chối hiệu lực pháp lý, hiệu lực hoặc khả năng thực thi chỉ dựa trên lý do nó ở dạng hồ sơ điện tử. |
| Cộng hòa Dominica | Thông tin liên lạc điện tử sẽ không bị từ chối hiệu lực pháp lý, hiệu lực, khả năng chấp nhận hoặc khả năng thực thi chỉ dựa trên lý do:(a) được cung cấp hoặc cung cấp dưới dạng điện tử; hoặc(b) không có trong giao tiếp điện tử cố ý làm phát sinh hiệu lực pháp lý như vậy, nhưng được đề cập đến trong giao tiếp điện tử đó |
| Indonesia | Thông tin điện tử và / hoặc Hồ sơ điện tử và / hoặc bản in của chúng sẽ là phương tiện chứng minh hợp pháp. |
| Lào | - Tài liệu điện tử và thông tin chứa đựng trong tài liệu đó có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;- Trong trường hợp quy tắc pháp lý yêu cầu thông tin phải ở dạng văn bản hoặc quy định hậu quả nhất định nếu không, tài liệu giảng dạy thỏa mãn quy tắc pháp lý đó nếu thông tin có trong tài liệu điện tử có thể được truy cập để tham khảo sau này- Hối phiếu, vận đơn, biên lai kho hàng hoặc bất kỳ tài liệu nào cho phép người mang hoặc người thụ hưởng yêu cầu giao hàng, trừ khi luật và quy định khác. |
| Myanmar | Hồ sơ điện tử, thông điệp dữ liệu điện tử hoặc chữ ký điện tử sẽ hợp pháp nếu như được lập theo luật có liên quan. |
| Hàn Quốc | Không một tài liệu điện tử nào bị từ chối có hiệu lực pháp lý như một tài liệu chỉ vì nó ở dạng điện tử, trừ khi được quy định trong các Đạo luật khác. |
| Singapore | - Thông tin sẽ không bị từ chối hiệu lực pháp lý, hiệu lực hoặc khả năng thực thi chỉ dựa trên lý do nó ở dạng hồ sơ điện tử.- Singapore ban hành Luật Giao dịch điện tử (Electronic Transaction Act- ETA) vào năm 1998, là quốc gia đầu tiên áp dụng Luật mẫu của UNCITRAL. Mục đích của Luật là tạo môi trường tin cậy với nền tảng pháp lý hỗ trợ, quy tắc kinh doanh có khả năng dự đoán và có tính chắc chắn để tạo thuận lợi cho các giao dịch điện tử. Từ đó cho phép ứng dụng công nghệ kỹ thuật số phổ biên trong phát triển kinh tế. ETA cung cấp sự công nhận pháp lý và việc sử dụng chữ ký điện tử, hồ sơ điện tử. ETA của Singapore có 3 đặc điểm chính: (1) Không phân biệt: không từ chối giá trị pháp lý, hiệu lực hoặc hiệu lực thi hành của văn bản điện tử; (2) Chức năng tương đương: hồ sơ điện tử hoặc giao dịch điện tử được đối xử tương đương hồ sơ, giao dịch trên giấy truyền thống nếu đáp ứng điều kiện chỉ định; (3) trung lập về công nghệ.Luật được sửa đổi vào năm 2010 dựa trên Công ước Liên hợp quốc về sử dụng thông tin điện tử trong hợp đồng quốc tế (United Nations Convention on the Use of Electronic Communications in International Contracts, thông qua năm 2005). Việc thay đổi tại Công ước là do môi trường Internet tại thời điểm đó khác rất nhiều môi trường trao đổi dữ liệu điện tử **(**Electronic Data Interchange EDI) vào những năm 1998 khi ban hành Luật mẫu UNCITRAL. ETA 2010 có 7 điểm khác biệt so với ETA 1998, đó là: Application and Consent, Electronic Originals, Thời gian và địa điểm gửi và nhận, Invitation To Make Offers, hệ thống thông điệp tự động (Automated Message Systems), trung lập về công nghệ, chính phủ điện tử. |
| Thái Lan | - Thông tin sẽ không bị từ chối hiệu lực pháp lý và khả năng thực thi chỉ dựa trên lý do rằng nó ở dạng thông điệp dữ liệu.- Luật Giao dịch điện tử Thái Lan được ban hành lần đầu vào năm 2001 (Electronic Transactions Act of B.E. 2544 (2001), sửa đổi lần lượt vào các năm 2008, 2011 và 2018. ETA của Thái Lan được xây dựng trên cở sở Luật mẫu của UNCITRAL.- ETA sửa đổi 2018 có hiệu lực vào 15/4/2019, nhằm loại bỏ các trở ngại đối với giao dịch điện tử và hài hòa với Công ước của Liên hiệp quốc về sử dụng phương tiện điện tử trong hợp đồng quốc tế (2005). ETA sửa đổi linh hoạt hơn trong thực hiện giao dịch điện tử do: (1) công nhận các hợp đồng được ký kết thông qua các hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử tự động (AEDES) tạo điều kiện cho các GDĐT tự động; (2) công nhận các tiêu chí mới cho chữ ký điện tử hợp lệ một cách thực tiễn hơn; (3) bổ sung khái niệm về “an invitation to make offer”. Luật sửa đổi cho phép ban hành hướng dẫn đối với “doanh nghiệp dịch vụ liên quan đến giao dịch điện tử” và yêu cầu phải thông báo, đăng ký, xin cấp phép trước khi thành lập doanh nghiệp.  |
| Romania | Hợp đồng được giao kết bằng phương tiện điện tử có hiệu lực mà pháp luật thừa nhận đối với hợp đồng, khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về hiệu lực của hợp đồng. |
| Liên minh Châu Âu | Năm 2014, EU ban hành quy định “EU Regulation 910/2014 of 23 July 2014 on electronic identification” và bãi bỏ Chỉ thị chữ ký điện tử 1999/93/EC.Năm 2016 EU ban hành eIDAS (Electronic Identification, Authentication and Trust Services) quy định về định danh điện tử và dịch vụ tin cậy đối với các giao dịch số trong thị trường chung châu Âu. Theo đó, EU quản lý các dịch vụ định danh và tin cậy đối với giao dịch điện tử. eIDAS quy định chữ ký điện tử, giao dịch điện tử, các cơ quan liên quan và quy trình thực thi của các cơ quan này để cung cấp một phương thức an toàn cho người sử dụng để tiến hành kinh doanh trực tuyến như chuyển tiền điện tử với khu vực công. Cả người ký và người nhận có thể tiến hành các giao dịch điện tử một cách thuận lợi và bảo mật. eIDAS tạo ra các tiêu chuẩn cho chữ ký điện tử tiên tiến, chứng thư số tin cậy, dịch vụ **tin cậy** (tạo, xác minh chữ ký điện tử; con dấu điện tử, tem thời gian, xác thực trang web; bảo quản hoặc lưu trữ chữ ký điện tử, chứng chỉ và con dấu đã tạo). Những dịch vụ tin cậy này cho phép giao dịch điện tử có giá trị pháp lý tương đương như các giao dịch trên giấy.  |
| Mỹ | Ban hành 02 Luật về giao dịch điện tử mức Liên bang và tiểu bang là UETA và E-sign.Luật Giao dich điện tử thống nhất (Uniform Electronic Transactions Act (UETA)): được Hoa Kỳ ban hành năm 1999. UETA được ban hành với mục đích loại bỏ rào cản đối với thương mại điện tử bằng cách xác nhận và thực hiện hồ sơ điện tử và chữ ký. Luật được xây dựng trên cơ sở Luật mẫu của UNCITRAL. - Luật Chữ ký điện tử trong Thương mại toàn cầu và quốc gia (Global and National Commerce Act (E-Sign Act)): được phê chuẩn năm 2000 bởi Tổng thống Bill Cliton. Mục tiêu của Luật mở rộng quy định về chữ ký điện tử, ngoài các giao dịch trong tiểu bang, còn bao gồm cả giao dịch tại nhiều hơn tại 01 vùng lãnh thổ.- Tương đồng và khác biệt giữa UETA, E-Sign:**+ Tương đồng**: 02 Luật quy định về chữ ký điện tử và an ninh số. Hai Luật liên quan trong lĩnh vực công nghệ nhưng khác nhau về mục đích.**+ Khác biệt**: Sự khác biệt giữa hai luật là rất nhỏ. E-SIGN là luật liên bang, trong khi UETA là luật tiểu bang. E-SIGN do chính phủ liên bang ban hành và nó được áp dụng cho toàn bộ quốc gia bao gồm tất cả các bang. UETA là một luật tiểu bang và có hiệu lực ở một số bang - nhưng không phải tất cả các bang đều thi hành nó. E-SIGN là luật duy nhất ở một số bang. Và ở các tiểu bang khác, cả hai luật đều được áp dụng. Tuy nhiên luật E-SIGN được ưu tiên hơn. |

Như vậy, có thể thấy hầu hết các nước trên thế giới đều *lấy giao dịch điện tử là trung tâm, bảo đảm sự tin cậy* là mục tiêu khi xây dựng Luật về quản lý và phát triển giao dịch điện tử. Đồng thời tính chất *đồng nhất*cũng được các nước coi trọng khi tuân thủ Luật mẫu của UNCITRAL để thực thi pháp luật về TMĐT trong bối cảnh thương mại quốc tế và xuyên biên giới.

**3. Tóm lược về 02 luật mẫu liên quan đến hoạt động giao dịch điện tử do Ủy ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế ban hành**

**3.1. Luật mẫu về Thương mại điện tử 1996 (MLEC)**

 **3.1.1. Đối tượng điều chỉnh**: tất cả các loại thông tin dưới dạng thông điệp dữ liệu được sử dụng trong hoạt động giao dịch thương mại.

**3.1.2. Nội dung điều chỉnh**:

- Thiết lập quy định cho việc hình thành và giá trị pháp lý cho các loại hợp đồng được giao kết bằng phương tiện điện tử, trên cơ sở tôn trọng tính trung lập về công nghệ và sự tương đương về mặt chức năng.

- Quy định về các thuộc tính của thông điệp dữ liệu.

- Quy định về xác nhận gửi nhận, thời gian, địa điểm của thông điệp dữ liệu.

**3.1.3. Mô hình áp dụng**:

- Luật quy định giá trị pháp lý đối với thông điệp dữ liệu: (a) Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu (b) Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản (c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc (d) Lưu trữ thông điệp dữ liệu.

- Luật quy định thông tin liên lạc bằng thông điệp dữ liệu: (a) Hình thức và giá trị của một hợp đồng không bị phủ nhận dưới dạng thông điệp dữ liệu (b) Công nhận thông điệp dữ liệu của các bên (c) Thông điệp dữ liệu được cho là của người khởi tạo nếu nó được gửi đi từ chính họ hoặc người được họ uỷ quyền (d) Việc nhận thông điệp dữ liệu và xác nhận nó cũng có thể được các bên thoả thuận trước (đ) Quy định thời gian, địa điểm gửi và nhận thông điệp dữ liệu.

**3.1.4. Các nước đã áp dụng Luật mẫu 1996**

Tổng cộng có hơn 100 quốc gia đã ban hành luật dựa trên Luật mẫu về thương mại điện tử năm 1996 trong đó có Anh, Pháp, Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Úc, NewZealand, Hàn Quốc, ASEAN có 8/10 nước (trừ Indonesia và Myanmar).

Theo thống kê tại Anh việc áp dụng Luật mẫu 1996 đã tiết kiệm chi phí lên đến 224 tỷ bảng, đồng thời giảm 75% số ngày cần thiết để xử lý các văn bản thương mại

Việc ban hành cơ sở pháp lý cho thương mại điện tử là tiền để để phát triển nền kinh tế số, khai thác tiềm năng của thương mại điện tử trên toàn cầu. Số liệu thống kê cho thấy giá trị thương mại điện tử tại nhiều quốc gia trên thế giới phát triển với tốc độ cao sau khi thương mại điện tử được pháp luật công nhận.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quốc gia | 1995 | 1996 | 1996-2001 |
| Bỉ, Hà Lan, Luxembourg | 0 | 13 | 4800 |
| Pháp | 0 | 4 | 6100 |
| Đức | 0 | 73 | 9700 |
| Ý | 0 | 1 | 3900 |
| Các nước Bắc Âu | 0 | 13 | 6800 |
| Tây Ban Nha | 0 | 1 | 1500 |
| Anh | 26 | 9 | 11000 |
| Các nước châu Âu còn lại | 13 | 3 | 500 |

*Bảng1: Tác động của các quy định pháp lý đối với thương mại điện tử
tại một số quốc gia Châu Âu (triệu đôla Mỹ)*

 **3.1.5. Các định nghĩa quan trọng**

**“Data message”:** Thông điệp dữ liệu có nghĩa là thông tin được tạo, gửi, nhận hoặc được lưu trữ bằng phương tiện điện tử, cáp quang (optical) hoặc các phương tiện tương tự bao gồm nhưng không giới hạn trao đổi dữ liệu điện tự (EDI), thư điện tử, điện tín, telex hoặc telecopy.

“**Electronic data interchange (EDI)”:** Trao đổi dữ liệu điện tử là việc truyền đi một thông tin bằng phương tiện điện tử từ máy tính này sang máy tính khác bằng cách sử dụng một một tiêu chuẩn đã thống nhất để tạo nên cấu trúc thông tin.

**“Orginator”:** Người khởi tạo thông điệp dữ liệu có nghĩa là người hoặc nhân danh người đó mà thông điệp dữ liệu đó có ý định được gửi hoặc được tạo ra trước khi được lưu trữ, nếu có, nhưng nó không bao gồm người đóng vai trò trung gian đối với thông điệp dữ liệu đó;

**“Addressee”:** Người nhận thông điệp dữ liệu có nghĩa là người được người khởi tạo thông điệp dữ liệu xác định là người tiếp nhận thông điệp dữ liệu, nhưng nó không bao gồm người đóng vai trò trung gian đối với thông điệp dữ liệu đó.

**“Intermediary”:** Người trung gian đối với một thông điệp dữ liệu cụ thể, có nghĩa là một người thay mặt (nhân danh) một người khác để gửi, nhận hoặc lưu trữ thông điệp dữ liệu đó hoặc cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến thông điệp dữ liệu đó.

**“Information system”:** Hệ thống thông tin là hệ thống để tạo ra, gửi đi, tiếp nhận, lưu giữ hoặc nói cách khác là để xử lý thông điệp dữ liệu.

**3.1.6. Các bất cập của Luật mẫu 1996:**

Vào những năm 1996, internet chậm, người dùng chủ yếu sử dụng máy tính để bàn, trao đổi thông điệp chủ yếu sử dụng đĩa mềm, đĩa CD. Chứng từ điện tử bước đầu được chấp nhận để thay thế chứng từ giấy, còn cơ bản các giao dịch vẫn diễn ra thực tế, chưa ánh xạ được đầy đủ lên môi trường mạng. Đến nay, Luật mẫu 1996 đang phát sinh nhiều bất cập khi công nghệ, thói quen người dùng ngày một phát triển và thay đổi, cụ thể:

**+ Thiếu các quy định mang tính thủ tục pháp lý liên quan đến các giai đoạn đề nghị và chấp nhận đề nghị ký kết hợp đồng điện tử**: Quy trình tạo lập và hình thành hợp đồng bao gồm 02 giai đoạn: đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận giao kết hợp đồng (thực hiện online). Luật chỉ đặt ra các quy định về người khởi tạo thông điệp dữ liệu; thời điểm, địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu, chỉ quy định những vấn đề liên quan đến yếu tố kỹ thuật của việc trao đổi trong giao dịch điện tử mà chưa đưa ra được các quy định mang tính thủ tục pháp lý liên quan đến 02 giai đoạn trên, điều này đã làm phát sinh nhiều khó khăn cho việc giải quyết tranh chấp sau này.

**+ Thiếu tính ràng buộc:** Chưa quy định rõ nội dung đề nghị giao kết hợp đồng điện tử để ràng buộc trách nhiệm của người gửi. Vấn đề thay đổi, rút lại hoặc hủy bỏ đề nghị giao kết hợp đồng điện tử có gì khác so với đề nghị giao kết hợp đồng dân sự thông thường; Chưa quy định cụ thể thế nào là một chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng điện tử cũng như thời hạn trả lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng điện tử.

+ **Thiếu chế tài cho các hành vi vi phạm** khi kinh doanh thương mại điện tử qua mạng xã hội và nền tảng thiết bị di động: Chưa có quy định rõ ràng đối với danh sách các website thương mại điện tử khuyến cáo người tiêu dùng thận trọng.

+ **Thiếu hướng dẫn tiết chi về quy trình giao kết hợp đồng mua hàng trực tuyến**: số người sử dụng các diễn đàn mạng xã hội để mua sắm trực tuyến ngày càng phổ biến. Số doanh nghiệp sử dụng nền tảng di động như kênh liên lạc giữa nhà bán lẻ và người tiêu dùng ngày càng tăng. Do đó, việc quản lý các mạng xã hội, các nền tảng di động để kinh doanh thương mại điện tử cần có hành lang pháp lý phù hợp để quản lý cũng như có chế tài xử lý hành vi vi phạm.

+ **Tính bảo mật:** Chữ ký số là một bộ mật mã được cấp cho người sử dụng. Chủ nhân của chữ ký số không phải là người duy nhất có được mật mã của chữ ký mà có một nhóm đối tượng có thể biết mật mã gồm bộ phận cung cấp, cài đặt phần mềm... Do đó tính bảo mật luôn là vấn đề cần đặc biệt chú trọng.

**+ Vấn đề bản gốc, bản chính, quyền sở hữu:** Nếu đối với tài liệu giấy, chữ ký được ký một lần và chỉ có một bản duy nhất (bản gốc). Do vậy, nếu bản gốc duy nhất mất đi thì sẽ không thể có bản thứ hai giống hệt. Nhưng với văn bản điện tử, có thể copy và bản copy từ bản chính và bản copy từ bản copy không có gì khác biệt so với bản chính duy nhất, **do đó không kiểm soát được quyền sở hữu**.

**+** Chủ yếu tập trung vào khái niệm thông điệp dữ liệu, **chưa đề cập và công nhận giá trị pháp lý của các hồ sơ điện tử, các tài liệu và công cụ chuyển nhượng điện tử (gọi tắt là ETR).**

**3.2. Luật mẫu về Hồ sơ chuyển nhượng điện tử 2017 (MLETR)**

**3.2.1. Đối tượng điều chỉnh:**

- Luật này áp dụng đối với các loại hồ sơ, các tài liệu, chuyển nhượng điện tử (ETR) bao gồm séc, hối phiếu, kỳ phiếu, vận đơn, biên lai kho hàng, phiếu nợ, giấy chứng nhận bảo hiểm, bảo lãnh quốc tế...

- Luật này không áp dụng đối với chứng khoán, chẳng hạn như cổ phiếu và trái phiếu, và các công cụ đầu tư khác.

**3.2.2. Nội dung:**

- Cung cấp giá trị pháp lý cho các công cụ, hồ sơ tài liệu chuyển nhượng điện tử (ETR) cả trong nước và quốc tế có chức năng tương đương với các tài liệu và công cụ chuyển nhượng bằng giấy như vận đơn, hối phiếu, séc, kỳ phiếu và biên lai kho…

- Đảm bảo các giá trị và chức năng sở hữu các tài liệu đó ở dạng điện tử tương đương bản cứng (cho phép chủ sở hữu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ được nêu trong đó và cho phép chuyển nhượng quyền yêu cầu thực hiện đó bằng cách chuyển quyền sở hữu tài liệu hoặc công cụ đó).

**3.2.3. Mô hình áp dụng:**

- Luật công nhận về mặt pháp lý khả năng đưa siêu dữ liệu vào hồ sơ chuyển nhượng điện tử. Do đó, nó được coi là một công cụ để khuyến khích hợp đồng thông minh. Việc chuyển đổi sang sử dụng ETR thay thế cho các giao dịch trên giấy giúp tăng cường hiệu quả, giảm các sai sót, giảm chi phí và giảm các tác động môi trường. Rủi ro gian lận và giả mạo cũng sẽ được giảm thiểu thông qua việc sử dụng các công nghệ như chữ ký số, sổ cái tập trung hoặc blockchain.

- Luật quy định sự tương đương về mặt chức năng:

+ Cung cấp các quy tắc tương đương về chức năng cho các khái niệm “chữ viết” và “chữ ký” trên văn bản giấy. Những điều khoản đó không cần phải được ban hành nếu luật quốc gia, ví dụ như đạo luật giao dịch điện tử, đã có những khái niệm đó và chúng được áp dụng bằng cách tham chiếu đến hồ sơ chuyển nhượng điện tử.

+ Thiết lập các điều kiện cho sự tương đương về chức năng giữa các hồ sơ chuyển nhượng bản giấy và bản điện tử. 03 yêu cầu để một công cụ được công nhận về mặt pháp lý là công cụ chuyển nhượng điện tử: (a) phương pháp xác định hồ sơ/công cụ là bản ghi điện tử có thể chuyển nhượng; (b) hiển thị hồ sơ có sự sở hữu/kiểm soát độc quyền cho đến khi nó không còn hiệu lực, (c) duy trì tính toàn vẹn của thông tin và chữ ký số đính kèm.

+ Thiết lập quy tắc tương đương về chức năng liên quan đến yêu cầu sở hữu bằng cách kiểm soát độc quyền đối với công cụ chuyển nhượng điện tử. Đây là một khác biệt lớn so với Luật mẫu năm 1996 (bản điện tử có thể nhân bản nhiều lần, không kiểm soát được quyền sở hữu), còn đối với Luật mẫu 2017, bản điện tử có thể kiểm soát được quyền sở hữu.

- Luật cung cấp một danh sách để đánh giá độ tin cậy của phương pháp được sử dụng, cung cấp tiêu chuẩn chung về độ tin cậy để đánh giá bất kỳ giải pháp công nghệ nào được sử dụng để tạo ETR và đưa ra yêu cầu chung đối với tất cả các giải pháp đó.

- Luật cũng quy định rõ việc thay thế lẫn nhau giữa ETR và công cụ chuyển nhượng bản giấy;

- Luật công nhận hiệu lực pháp lý xuyên biên giới của ETR.

**3.2.4. Các định nghĩa quan trọng:**

**“Electronic record”:** Hồ sơ điện tử là một hoặc nhiều thông tin được tạo ra, được truyền và nhận hoặc lưu trữ bằng phương tiện điện tử. Trường hợp nhiều thông tin thì các thông tin đó cần được liên kết một cách logic với nhau

**“Electronic transerable record”:** Hồ sơ chuyển nhượng điện tử là phiên bản điện tử của chứng từ hoặc công cụ chuyển nhượngtuân thủ các quy định cụ thể: (a)Chứa đầy đủ các thông tin như trên bản giấy (b) Được đảm bảo bởi một phương pháp đáng tin cậy.

**“Transferable document or instrument”**: Văn bản hoặc công cụ chuyển nhượng là văn bản hoặc công cụ được cấp trên giấy cho phép chủ sở hữu có thể yêu cầu thực hiện nghĩa vụ được nêu trong văn bản hoặc công cụ đó, có thể chuyển nhượng quyền thực hiện nghĩa vụ được nêu trong văn bản hoặc công cụ đó thông qua việc chuyển nhượng văn bản hoặc công cụ đó.

**3.2.5. Các điểm mới, quan trọng của Luật mẫu 2017 so với Luật mẫu 1996**

(i). Về khái niệm ETR: Đây là điểm khác biệt chính và cơ bản so với Luật mẫu về thương mại điện tử năm 1996 chỉ đưa ra phạm vi áp dụng xung quanh một “thông điệp dữ liệu – data message” (*là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử*). Định nghĩa về ETR cũng phản ánh tính tương đương về mặt chức năng khi so sánh với văn bản hay công cụ có thể chuyển nhượng thông thường. Ngoài ra, MLETR cũng định nghĩa ETR là tài liệu/công cụ cho phép người sở hữu nó thanh toán một khoản tiền hoặc giao hàng.

(ii). Tại Điều 6, MLETR công nhận về mặt pháp lý khả năng đưa siêu dữ liệu vào hồ sơ/công cụ chuyển nhượng điện tử. Do đó, nó được coi là một công cụ để khuyến khích hợp đồng thông minh.

(iii). Điều 8 và 9 MLETR cung cấp các quy tắc tương đương về chức năng, tương ứng các khái niệm dựa trên giấy về "chữ viết" và "chữ ký". Luật mẫu coi dữ liệu thông tin có thể truy cập với chữ viết và công cụ để xác định danh tính và ý định của một người bằng phương pháp điện tử tương đương chữ ký tay.

(iv). Điều 10 MLETR đưa ra 03 yêu cầu để một công cụ được công nhận về mặt pháp lý là công cụ chuyển nhượng điện tử: (1) phương pháp xác định hồ sơ/công cụ là bản ghi điện tử có thể chuyển nhượng; (2) có phương pháp hiển thị hồ sơ dưới sự kiểm soát độc quyền cho đến khi nó không còn hiệu lực, (3) duy trì tính toàn vẹn của thông tin và chữ ký số đính kèm.

(v). Điều 11 MLETR thiết lập quy tắc tương đương về chức năng liên quan đến yêu cầu sở hữu bằng cách kiểm soát độc quyền đối với công cụ chuyển nhượng điện tử. Đây là một khác biệt lớn so với Luật mẫu năm 1996 (bản điện tử có thể nhân bản nhiều lần, không kiểm soát được quyền sở hữu), còn đối với Luật mẫu 2017, bản điện tử có thể kiểm soát được quyền sở hữu.

Điều 11 (Control) nêu: Khi luật yêu cầu hoặc cho phép sở hữu tài liệu hoặc công cụ chuyển nhượng, yêu cầu sở hữu đối với ETR được công nhận nếu có phương pháp để: (a) thiết lập sự kiểm soát độc quyền đối với ETR bởi một người; (b) Để xác định người đó là người kiểm soát.

Trong trường hợp luật yêu cầu hoặc cho phép chuyển nhượng quyền sở hữu đối với tài liệu hoặc công cụ chuyển nhượng, yêu cầu đó cũng phải được đáp ứng đối với ETR thông qua việc chuyển nhượng quyền kiểm soát.

(vi). Điều 12 MLETR bao gồm một danh sách để đánh giá độ tin cậy của phương pháp được sử dụng, cung cấp tiêu chuẩn chung về độ tin cậy để đánh giá bất kỳ giải pháp công nghệ nào được sử dụng để tạo ETR và đưa ra yêu cầu chung đối với tất cả các giải pháp đó.

vii) Điều 17 và Điều 18 MLETR quy định rõ việc thay thế lẫn nhau giữa ETR và công cụ chuyển nhượng bản giấy;

(viii) Điều 19 công nhận xuyên biên giới hiệu lực pháp lý của ETR cũng là quy định hoàn toàn mới trong MLETR.

(ix) Luật mẫu 2017 không sử dụng thuật ngữ “bản gốc” trong các điều khoản có chứa các yêu cầu thiết lập chức năng tương đương với khái niệm “bản gốc” dựa trên giấy tờ. Khái niệm “bản gốc” trong Luật mẫu 2017 có tính đến thực tế là sau khi ban hành, ETR có thể được sửa đổi cho đến khi phát hành. Do đó, khái niệm “bản gốc” trong ngữ cảnh của ETR khác với khái niệm được áp dụng trong các văn bản của UNCITRAL trước đây.

**3.2.6. Các nước ban hành theo Luật mẫu 2017:**

Đã có 05 nước đã ban hành luật căn cứ Luật mẫu 2017 gồm (i) **Bahrain**: là quốc gia đầu tiên trên thế giới ban hành luật về ETR vào năm 2018; (ii) **Belize:** Đạo luật Giao dịch điện tử năm 2021; (iii) **Kiribati**: Đạo luật Giao dịch điện tử - năm 2021; (iv) **Paraguay** – Luật về các dịch vụ tin cậy cho các giao dịch điện tử, ETR năm 2021; (v) **Singapore**: Đạo luật giao dịch điện tử năm 2021 (sửa đổi) . Ngoài 5 nước trên còn có **Thị trường toàn cầu Abu Dhabi (ADGM)** - Trung tâm Tài chính Quốc tế đặt tại Abu Dhabi, các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất cũng ban hành luật căn cứ Luật mẫu 2017 (năm 2021).

**+ Bahrain:**

- Vào ngày 29/11/2018, trên cơ sở Luật mẫu UNCITRAL về Công cụ chuyển nhượng điện tử ("MLETR"), Bahrain đã thông qua Luật Công cụ chuyển nhượng điện tử, trở thành quốc gia đầu tiên ban hành MLETR.

Ngoài các điều khoản theo Luật mẫu 2017, Bahrain bổ sung quy định việc công nhận "**người điều hành - operator**", là người vận hành hệ thống thông tin để quản lý ETR (Điều 1). Luật đặt ra thủ tục và điều kiện để người điều hành được công nhận về mặt pháp lý (Điều 15 và 16), một cơ quan có thẩm quyền được uỷ quyền để đưa ra các điều kiện thông qua hồ sơ công nhận “người điều hành”. Khi xảy ra thiệt hại và tranh chấp, đối với ETR được quản lý bởi người điều hành được công nhận thì có thể quy trách nhiệm thiệt hại là do cố ý hoặc sơ suất của người điều hành trừ khi có bằng chứng khác (Điều 17).

Luật pháp Bahrain có thể áp dụng cho ETR “cho dù có người điều hành hay không” (Điều 2). Theo đó, đối tượng áp dụng cho các ETR được quản lý bằng việc sử dụng công nghệ blockchain.

**+ Singapore** (Electronic transactions amendment Act 2021)

Singapore đã sửa đổi Đạo luật giao dịch điện tử (ETA) vào tháng 2/2021 và loại bỏ quyền chuyển nhượng tài liệu hoặc công cụ như vận đơn trong danh sách cấm trong ETA. Thay đổi này đã giúp công nhận về mặt pháp lý đối với ETR. Singapore cũng đã thông qua các sửa đổi khác nhau liên quan đến các yêu cầu công nghệ, điều chỉnh ETA với các nguyên tắc không phân biệt đối xử của MLETR đối với việc sử dụng các phương tiện điện tử, tính tương đương về chức năng và tính trung lập của công nghệ.

Điều này cũng phù hợp với khuôn khổ TradeTrust của Singapore bao gồm một bộ tiêu chuẩn được chấp nhận trên toàn cầu nhằm thiết lập khuôn khổ kỹ thuật số cho việc trao đổi tài liệu thương mại số, nhằm tăng hiệu quả, giảm chi phí và hỗ trợ các dịch vụ số mới.

+ Khái niệm ETR đã được Singapore quy định cụ thể vào nội dung Luật sửa đổi, qua đó quy định các hoạt động liên quan đến ETR cũng như chuyển nhượng quyền sở hữu tại điều 16A và 16B.

Điều 16C MLETR xác định khái niệm ETR là một công cụ điện tử tuân thủ các yêu cầu của điều 10 MLETR. Nó cũng định nghĩa "chứng từ hoặc công cụ có thể chuyển nhượng" là một chứng từ cho phép người sở hữu nó thanh toán một khoản tiền cụ thể hoặc giao hàng.

Điều 16D MLETR công nhận về mặt pháp lý khả năng sử dụng siêu dữ liệu (metadata) đối với ETR. Do đó, đây được coi là cơ sở để giao kết hợp đồng thông minh.

*Quy định về giá trị pháp lý tương đương với bản gốc*

Điều 16G thiết lập các điều kiện cho sự tương đương về giá trị pháp lý giữa một mặt các tài liệu và công cụ chuyển nhượng trên giấy và ETR.

Điều 16H thiết lập quy tắc tương đương về chức năng để sở hữu tài liệu hoặc công cụ chuyển nhượng. Singapore quy định sử dụng một phương pháp bảo đảm để thiết lập quyền kiểm soát độc quyền đối với ETR và xác định người được kiểm soát.

Điều 16J đến 16M dựa trên khái niệm "control" của ETR. Tất cả các hoạt động xảy ra liên quan đến tài liệu hoặc công cụ chuyển nhượng trên giấy cũng có thể xảy ra liên quan đến ETR. Điều 16N đến 16S khẳng định lại quy tắc chung đối với việc xác nhận và sửa đổi một công cụ điện tử có thể chuyển nhượng.

**3.2.7. Việc triển khai ETR tại một số quốc gia khác:**

**+ Hoa Kỳ**

Tính tương đương về mặt pháp lý của ETR và tính hợp lệ của chữ ký điện tử đã được công nhận ở Hoa Kỳ thông qua luật pháp ở cả cấp liên bang và tiểu bang. Đạo luật Giao dịch điện tử thống nhất (UETA) đã được 48 tiểu bang và Washington DC, New York và Illinois thông qua dựa trên các quy chế thay thế chữ ký điện tử của riêng từng bang.

Tương tự MLETR, đều trung lập về mặt công nghệ và quy định rõ chữ ký, hợp đồng hoặc hồ sơ không được từ chối hiệu lực pháp lý hoặc khả năng thực thi chỉ vì nó ở dạng điện tử. UETA và ESIGN mang nội hàm bổ sung cho luật về hợp đồng cho phép các bên giao dịch kinh doanh điện tử.

 Tuy nhiên, một ngoại lệ đáng chú ý đối với khả năng áp dụng của cả ESIGN và UETA là hợp đồng hoặc hồ sơ khác trong phạm vi được điều chỉnh bởi Bộ luật thương mại thống nhất. Do đó, khi hiệu lực pháp lý và khả năng thực thi của ETR (chẳng hạn như vận đơn), các định nghĩa và điều khoản của UCC đóng vai trò là tài liệu tham khảo chính. Điều 9 của UCC cho phép hoàn thiện các lợi ích bảo mật trong tài liệu điện tử thông qua việc sở hữu và kiểm soát tài liệu điện tử. Chủ sở hữu chứng từ điện từ có thể yêu cầu hệ thống chứng minh việc chuyển nhượng và bảo đảm xác thực chủ thể mà chứng từ điện tử được phát hành hoặc chuyển nhượng. MLETR tương đồng với UCC về mặt này, định nghĩa "quyền kiểm soát" tương đương với quyền sở hữu.

Mặc dù vẫn chưa rõ mức độ mà các quy định của MLETR sẽ được các nhà lập pháp Hoa Kỳ thông qua, nhưng các khuôn khổ hiện có theo UETA, ESIGN và UCC đều tương thích cả về nguyên tắc và thực tiễn với MLETR.

**+ Anh và xứ Wales**

Theo thống kê tại Anh việc áp dụng Luật mẫu 1996 đã tiết kiệm chi phí lên đến 224 tỷ bảng, đồng thời giảm 75% số ngày cần thiết để xử lý các văn bản thương mại. Ủy ban Luật của Vương quốc Anh gần đây đã tham khảo ý kiến ​​về cải cách luật pháp về thương mại điện tử. Dự thảo Luật (dự kiến trình lên Quốc hội vào năm 2022) xác định bảy loại tài liệu thương mại cần thay đổi pháp lý để chúng có hiệu lực pháp lý ở dạng điện tử. Dự thảo Luật đưa ra các tiêu chí để một tài liệu điện tử được công nhận gồm: a) chứng từ thương mại điện tử phải có sự tồn tại độc lập với cả luật pháp và con người; b) tài liệu điện tử phải có khả năng kiểm soát sự độc quyền; và c) tài liệu đó phải được chuyển nhượng toàn bộ quyền kiểm soát sau khi chuyển nhượng.

Các đề xuất của Ủy ban Luật đã được tham khảo từ MLETR với một số khác biệt để tính đến các đặc thù của luật Anh. Ví dụ, Dự thảo luật không bao gồm vận đơn đường biển hoặc đường hàng không vì chúng không được phân loại là chứng từ có thể chuyển nhượng theo luật của Anh và Xứ Wales.

**+ Liên minh Châu Âu**

Không có luật cụ thể nào trên toàn Liên minh Châu Âu áp dụng cho ETR tương đương với công cụ chuyển nhượng. Việc sử dụng chữ ký điện tử được tạo điều kiện thuận lợi và được quy định bởi Quy định eIDAS có hiệu lực vào năm 2016 trực tiếp tại các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, luật liên quan đến sự tương đương về chức năng và sở hữu khác nhau giữa các quốc gia thành viên. Ví dụ: ở Đức, Bộ luật Thương mại Đức đã công nhận nhiều loại chứng từ vận tải điện tử có chức năng tương đương với các bản sao giấy (ví dụ: vận đơn đường biển) với điều kiện là tính xác thực và tính toàn vẹn của hồ sơ được bảo đảm.

**+ Tuyên bố của các nước G7**

Ngày 28/4/2021, Vương quốc Anh, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Liên minh Châu Âu đã thông qua **Tuyên bố của Bộ trưởng Công nghệ và Kỹ thuật số G7 nhằm xây dựng một khung pháp lý (framework) tương thích với các quy định của MLETR nhằm thúc đẩy việc sử dụng công cụ chuyển nhượng điện tử**. Lộ trình chuyển đổi cụ thể của G7 đối với hồ sơ/công cụ chuyển nhượng điện tử như sau:

1. Xác định rõ phạm vi áp dụng đối với tất cả hồ sơ/công cụ chuyển nhượng điện tử liên quan đến giao dịch thương mại quốc tế;
2. Giải quyết các rào cản pháp lý trong nước;
3. Xây dựng hành lang pháp lý;
4. Thúc đẩy và hỗ trợ cải cách luật pháp trên phạm vi quốc tế;
5. Áp dụng thủ tục hành chính;
6. Giải quyết các vấn đề cầu nối giữa kỹ thuật và khả năng tương tác;
7. Hợp tác về các vấn đề pháp lý xuyên suốt.

**4. Giới thiệu luật giao dịch điện tử tiêu biểu của một số quốc gia**

**4.1. Quy định của EU về dịch vụ nhận dạng, xác thực và tin cậy điện tử (e-IDAS)**

* + 1. **Đối tượng điều chỉnh:**

- Luật này áp dụng đối với các loại hồ sơ, các tài liệu, chuyển nhượng điện tử (ETR) bao gồm séc, hối phiếu, kỳ phiếu, vận đơn, biên lai kho hàng, phiếu nợ, giấy chứng nhận bảo hiểm, bảo lãnh quốc tế...

- Luật này không áp dụng đối với chứng khoán, chẳng hạn như cổ phiếu và trái phiếu, và các công cụ đầu tư khác.

**4.1.2. Nội dung:**

- Cung cấp giá trị pháp lý cho các công cụ, hồ sơ tài liệu chuyển nhượng điện tử (ETR) cả trong nước và quốc tế có chức năng tương đương với các tài liệu và công cụ chuyển nhượng bằng giấy như vận đơn, hối phiếu, séc, kỳ phiếu và biên lai kho…

- Đảm bảo các giá trị và chức năng sở hữu các tài liệu đó ở dạng điện tử tương đương bản cứng (cho phép chủ sở hữu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ được nêu trong đó và cho phép chuyển nhượng quyền yêu cầu thực hiện đó bằng cách chuyển quyền sở hữu tài liệu hoặc công cụ đó).

**4.1.3. Mô hình áp dụng:**

- Luật công nhận về mặt pháp lý khả năng đưa siêu dữ liệu vào hồ sơ chuyển nhượng điện tử. Do đó, nó được coi là một công cụ để khuyến khích hợp đồng thông minh. Việc chuyển đổi sang sử dụng ETR thay thế cho các giao dịch trên giấy giúp tăng cường hiệu quả, giảm các sai sót, giảm chi phí và giảm các tác động môi trường. Rủi ro gian lận và giả mạo cũng sẽ được giảm thiểu thông qua việc sử dụng các công nghệ như chữ ký số, sổ cái tập trung hoặc blockchain.

- Luật quy định sự tương đương về mặt chức năng:

+ Cung cấp các quy tắc tương đương về chức năng cho các khái niệm “chữ viết” và “chữ ký” trên văn bản giấy. Những điều khoản đó không cần phải được ban hành nếu luật quốc gia, ví dụ như đạo luật giao dịch điện tử, đã có những khái niệm đó và chúng được áp dụng bằng cách tham chiếu đến hồ sơ chuyển nhượng điện tử.

+ Thiết lập các điều kiện cho sự tương đương về chức năng giữa các hồ sơ chuyển nhượng bản giấy và bản điện tử. 03 yêu cầu để một công cụ được công nhận về mặt pháp lý là công cụ chuyển nhượng điện tử: (1) phương pháp xác định hồ sơ/công cụ là bản ghi điện tử có thể chuyển nhượng; (2) hiển thị hồ sơ có sự sở hữu/kiểm soát độc quyền cho đến khi nó không còn hiệu lực, (3) duy trì tính toàn vẹn của thông tin và chữ ký số đính kèm.

+ Thiết lập quy tắc tương đương về chức năng liên quan đến yêu cầu sở hữu bằng cách kiểm soát độc quyền đối với công cụ chuyển nhượng điện tử. Đây là một khác biệt lớn so với Luật mẫu năm 1996 (bản điện tử có thể nhân bản nhiều lần, không kiểm soát được quyền sở hữu), còn đối với Luật mẫu 2017, bản điện tử có thể kiểm soát được quyền sở hữu.

- Luật cung cấp một danh sách để đánh giá độ tin cậy của phương pháp được sử dụng, cung cấp tiêu chuẩn chung về độ tin cậy để đánh giá bất kỳ giải pháp công nghệ nào được sử dụng để tạo ETR và đưa ra yêu cầu chung đối với tất cả các giải pháp đó.

- Luật cũng quy định rõ việc thay thế lẫn nhau giữa ETR và công cụ chuyển nhượng bản giấy;

- Luật công nhận hiệu lực pháp lý xuyên biên giới của ETR.

* + 1. **Liên hệ với Việt Nam**

Hiện nay, Việt Nam có hơn 20 nhà cung cấp dịch vụ tin cậy cho nhiều dịch vụ, ví dụ như: chữ ký điện tử, con dấu điện tử, dấu thời gian, chứng thư trang web. Tuy nhiên, khác với Châu Âu, Việt Nam không có các đơn vị độc lập đánh giá và công nhận với các tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy. Việc đánh giá thuộc về cơ quan quản lý Nhà nước.

* + 1. **Các định nghĩa quan trọng**

**Electronic identification:**

**(1) Nhận dạng điện tử** ("**eID** ") là một giải pháp kỹ thuật số để chứng minh danh tính của công dân hoặc tổ chức. eID có thể được sử dụng để xem; truy cập các lợi ích hoặc dịch vụ do cơ quan chính phủ, ngân hàng hoặc các công ty khác cung cấp; cho [thanh toán di động](https://en.wikipedia.org/wiki/Mobile_payments) , v.v. Ngoài [xác thực](https://en.wikipedia.org/wiki/Authentication) và đăng nhập trực tuyến, nhiều dịch vụ nhận dạng điện tử cũng cung cấp cho người dùng tùy chọn ký tài liệu điện tử bằng chữ ký số.

**(2) Nhận dạng điện tử** là quá trình sử dụng dữ liệu nhận dạng người dưới dạng điện tử đại diện duy nhất cho một thể nhân hoặc pháp nhân hoặc một thể nhân đại diện cho pháp nhân;

**Electronic identification means**: **'phương tiện nhận dạng điện tử'** là một đơn vị vật chất và / hoặc phi vật chất chứa dữ liệu nhận dạng cá nhân và được sử dụng để xác thực cho một dịch vụ trực tuyến;

**Person identification data:** **'dữ liệu nhận dạng cá nhân'** có nghĩa là một tập hợp dữ liệu cho phép xác lập danh tính của một thể nhân hoặc pháp nhân, hoặc một thể nhân đại diện cho một pháp nhân;

+ Dữ liệu nhận dạng cá nhân bao gồm các giấy tờ quan trọng của một người, chẳng hạn như giấy khai sinh, bằng lái xe và thẻ an sinh xã hội. Nó cũng bao gồm các tài liệu như thị thực, giấy phép tàng trữ vũ khí, hộ chiếu hoặc về cơ bản là bất kỳ tài liệu nào khác có thể được cấp chính thức cho một người.

+ Thông tin cá nhân trên các giấy tờ tùy thân có thể bao gồm tên, ngày sinh, địa chỉ, số bằng lái xe, số an sinh xã hội, số nhận dạng cơ quan hoặc trường học, số thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng.

**Electronic identification scheme**: **'Mô hình nhận dạng điện tử'** là hệ thống nhận dạng điện tử theo phương tiện nhận dạng điện tử nào được cấp cho thể nhân hoặc pháp nhân, hoặc thể nhân đại diện cho pháp nhân;

**Authentication:** ‘xác thực’ có nghĩa là một quy trình điện tử cho phép xác nhận điện tử về thể nhân hoặc pháp nhân, hoặc nguồn gốc và tính toàn vẹn của dữ liệu ở dạng điện tử được xác nhận.

**4.2. Luật giao dịch điện tử Singapore (ETA 2021)**

**4.2.1. Phạm vi điều chỉnh**: giao dịch điện tử trong các ngành tài chính, thương mại điện tử, vận tải hàng hoá, hàng hải, trong đó các ngành được hưởng lợi nhiều nhất từ Dự luật sửa đổi năm 2021 là ngành hàng hải, vận tải hàng hoá, thương mại điện tử.

* + 1. **Nội dung điều chỉnh:**

- Loại bỏ quyền chuyển nhượng tài liệu hoặc công cụ như vận đơn trong danh sách cấm của Luật Giao dịch điện tử trước đó, chính thức công nhận giá trị pháp lý của Hồ sơ chuyển nhượng điện tử.

- Công nhận phiên bản điện tử của hối phiếu, kỳ phiếu, vận đơn cả trong nước và ngoài nước.

- Thông qua các sửa đổi khác nhau liên quan đến các yêu cầu về công nghệ, áp dụng các nguyên tắc không phân biệt đối xử của Luật mẫu 1996 đối với việc sử dụng các phương tiện điện tử, tính tương đương về chức năng và tính trung lập của công nghệ.

- Thiết lập tính thống nhất của các quy tắc, quy định và tiêu chuẩn liên quan đến việc xác thực và tính toàn vẹn của hồ sơ điện tử.

* + 1. **Mô hình áp dụng:**

- Luật đã thêm vào định nghĩa “hồ sơ chuyển nhượng điện tử” là (i) hồ sơ điện tử chứa thông tin được yêu cầu và (ii) sử dụng phương pháp đáng tin cậy để xác định, kiểm soát và duy trì tính toàn vẹn của hồ sơ.

- Hồ sơ chuyển nhượng điện tử là phiên bản điện tử của chứng từ hoặc công cụ chuyển nhượng, cụ thể:

+ Là giấy tờ cho phép chủ sở hữu yêu cầu thực hiện nghĩa vụ được nêu trong chứng từ đó.

+ Cho phép chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện bằng cách chuyển nhượng giấy tờ đó.

- Các quy định cụ thể đối với Hồ sơ chuyển nhượng điện tử là: (i) Có hiệu lực bất kể nơi phát hành: Hồ sơ chuyển nhượng điện tử, cho dù được phát hành ở Singapore hay nơi khác, sẽ có hiệu lực pháp lý, giá trị và khả năng thực thi. (ii) Chứa đầy đủ các thông tin như trên bản giấy. (iii) Tất cả chữ ký có trên hồ sơ giấy đều phải được thực hiện bằng chữ ký điện tử trên phiên bản hồ sơ điện tử (iv) Việc sở hữu hồ sơ chuyển nhượng điện tử:  Phải sử dụng phương pháp đáng tin cậy để chứng minh quyền sở hữu/kiểm soát duy nhất đối với hồ sơ đó, đồng thời xác định được người có quyền sở hữu/kiểm soát đó.

- Hồ sơ điện tử được xem là tin cậy nếu được ký số bằng phương pháp đảm bảo.

- Điều 16D của Luật công nhận về mặt pháp lý khả năng sử dụng siêu dữ liệu (metadata) đối với ETR. Do đó, đây được coi là cơ sở để giao kết hợp đồng thông minh.

- Điều 16M-16N của Luật cho phép hồ sơ chuyển nhượng được chuyển đổi từ phiên bản giấy sang phiên bản điện tử hoặc ngược lại.

- Điều 17 của Luật quy định rằng hồ sơ điện tử được coi là hồ sơ điện tử được đảm bảo từ một thời điểm cụ thể đến thời điểm nó được xác thực thông qua việc áp dụng một quy trình bảo mật cụ thể hoặc một quy trình bảo mật thích hợp về mặt thương mại và không bị thay đổi từ thời điểm cụ thể đó.

**4.2.4. Ví dụ thực tế**

**+ Vận đơn điện tử (eBLs) cho các giao dịch thương mại xuyên biên giới**

IMDA đã phối hợp với Cơ quan Hàng hải và Cảng Singapore (MPA) để tiến hành các thử nghiệm kỹ thuật với các đối tác trong và ngoài nước, bao gồm thử nghiệm với Cơ quan Cảng Rotterdam, Hà Lan. IMDA, MPA và Cơ quan quản lý cảng Rotterdam đã tiến hành mô phỏng thành công việc chuyển quyền sở hữu các vận đơn điện tử từ người gửi hàng sang người nhận hàng giữa Rotterdam và Singapore. Thử nghiệm được thực hiện bởi các đại diện từ IMDA, MPA, Cơ quan Cảng Rotterdam, dựa trên tiện ích kỹ thuật số TradeTrust. Ngoài ra còn có các thử nghiệm với Cục Thương mại Thành phố Thâm Quyến trong khuôn khổ Sáng kiến ​​Thành phố Thông minh Singapore - Thâm Quyến. IMDA và MPA hoan nghênh các mối quan hệ hợp tác trong tương lai với các đối tác công nghệ và chuỗi cung ứng trong và ngoài nước.

**+ Số hóa quy trình vận chuyển hàng hóa**

Nhiều quy trình vận chuyển và buôn bán hàng hóa rất tốn kém do áp dụng hệ thống thủ công và dựa trên giấy tờ. Một nền tảng vận chuyển kỹ thuật số hỗ trợ blockchain có tên “TradeLens”, được phát triển bởi Maersk (hãng vận chuyển container lớn nhất thế giới) và IBM, cho phép những người tham gia kết nối kỹ thuật số và chia sẻ thông tin trên toàn hệ sinh thái chuỗi cung ứng vận chuyển một cách hiệu quả. Nền tảng này có sự tham gia của MSC, CMA CGM, Hapag-Lloyd và Ocean Network Express có trụ sở tại Singapore, các hãng vận tải container hàng đầu thế giới và hơn 20 nhà khai thác cảng bao gồm cả PSA Singapore. Theo nghiên cứu của Maersk và IBM vào năm 2014, chi phí xử lý các chứng từ thương mại có thể lên tới 20% chi phí vận chuyển trên thực tế, do đó, bằng cách số hóa các quy trình thương mại, có thể tiết kiệm tới 20% chi phí.

**4.2.5. Các định nghĩa quan trọng**

**“Electronic record”:** Hồ sơ điện tử là một hoặc nhiều thông tin được tạo ra, được truyền và nhận hoặc lưu trữ bằng phương tiện điện tử. Trường hợp nhiều thông tin thì các thông tin đó cần được liên kết một cách logic với nhau.

**“Electronic transferable record”:** Hồ sơ chuyển nhượng điện tử là phiên bản điện tử của chứng từ hoặc công cụ chuyển nhượng tuân thủ các quy định cụ thể:

1. Có hiệu lực bất kể nơi phát hành: Hồ sơ chuyển nhượng điện tử, cho dù được phát hành ở Singapore hay nơi khác, sẽ có hiệu lực pháp lý, giá trị và khả năng thực thi.
2. Chứa đầy đủ các thông tin như trên bản giấy.
3. Tất cả chữ ký trên hồ sơ giấy đều phải được thay thế bằng chữ ký điện tử trên phiên bản hồ sơ điện tử.
4. Việc sở hữu hồ sơ chuyển nhượng điện tử:  Phải sử dụng một phương pháp đáng tin cậy để chứng minh quyền sở hữu duy nhất đối với hồ sơ này. Đồng thời xác định được người giữ quyền sở hữu đó.

**4.3. Luật giao dịch điện tử thống nhất 1999 của Mỹ (UETA)**

**4.3.1. Phạm vi điều chỉnh**:

- Phạm vi của Luật này bị giới hạn bởi thực tế là nó chỉ áp dụng cho các giao dịch liên quan đến kinh doanh, thương mại (bao gồm cả người tiêu dùng) và các vấn đề chính phủ. Do đó, các giao dịch không liên quan đến kinh doanh, thương mại hoặc giao dịch chính phủ sẽ không phải tuân theo Luật này. Các hồ sơ và chữ ký điện tử được tạo đơn phương không phải là một phần của giao dịch cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

* + 1. **Nội dung điều chỉnh:**

**-** UETA nêu rõ rằng các giao dịch không bắt buộc phải ở dạng điện tử: Luật này chỉ áp dụng cho các giao dịch giữa các bên mà mỗi bên đã đồng ý thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử. Việc các bên có đồng ý thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử hay không được xác định từ bối cảnh và hoàn cảnh xung quanh, bao gồm cả hành vi của các bên.

*-* Liệt kê ứng dụng và mục đích của UETA: Để tạo thuận lợi và thúc đẩy thương mại và các giao dịch của chính phủ bằng cách xác thực và cho phép sử dụng hồ sơ điện tử và chữ ký điện tử.

- Công nhận tính hợp pháp cho chữ ký, hồ sơ và hợp đồng điện tử:

+ Một hồ sơ hoặc chữ ký không được từ chối hiệu lực pháp lý hoặc khả năng thực thi chỉ vì nó ở dạng điện tử.

+ Một hợp đồng không được từ chối hiệu lực pháp lý hoặc khả năng thực thi chỉ vì một hồ sơ điện tử đã được sử dụng để hình thành nó.

+ Nếu luật yêu cầu hồ sơ phải ở dạng văn bản, thì hồ sơ điện tử đáp ứng luật.

+ Nếu luật yêu cầu chữ ký, chữ ký điện tử đáp ứng luật.

- UETA quy định rằng thông tin có sẵn cho tất cả các bên:

+ Hồ sơ điện tử không có khả năng được người nhận lưu giữ nếu người gửi hoặc hệ thống xử lý thông tin của nó ngăn cản khả năng in hoặc lưu trữ hồ sơ điện tử của người nhận.

+ Nếu người gửi ngăn cản khả năng lưu trữ hoặc in hồ sơ điện tử của người nhận, thì hồ sơ điện tử không có hiệu lực đối với người nhận.

- Ghi nhận và tác dụng của hồ sơ điện tử và chữ ký điện tử

+ Hồ sơ điện tử hoặc chữ ký điện tử được quy cho một người nếu đó là hành động của người đó. Hành động của người đó có thể được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm cả việc thể hiện tính hiệu quả của bất kỳ thủ tục bảo mật nào được áp dụng để xác định người mà hồ sơ điện tử hoặc chữ ký điện tử được gán cho.

+ Hiệu lực của một hồ sơ điện tử hoặc chữ ký điện tử được quy cho một người nếu hành động của người đó được xác định từ ngữ cảnh và hoàn cảnh xung quanh tại thời điểm tạo, thực hiện hoặc thông qua nó, bao gồm cả thỏa thuận của các bên (nếu có) và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Xác định các điều kiện nếu xảy ra thay đổi hoặc lỗi trong hồ sơ điện tử trong quá trình truyền giữa các bên tham gia giao dịch.

- Cho phép công chứng viên và các công chức được ủy quyền loại bỏ các yêu cầu về con dấu / con dấu một cách hiệu quả.

- Nêu rõ yêu cầu "lưu giữ hồ sơ" được thỏa mãn bằng cách lưu giữ hồ sơ điện tử.

- Trong quá trình tố tụng, không thể loại trừ bằng chứng về hồ sơ hoặc chữ ký chỉ vì nó ở dạng điện tử.

- Xác định các khía cạnh "Thời gian và Địa điểm" của truyền nhận thông qua phương tiện: Cung cấp các quy tắc mặc định về thời gian và địa điểm gửi một hồ sơ điện tử và khi nào và ở đâu một hồ sơ điện tử được nhận. UETA không đề cập đến hiệu quả của hồ sơ được gửi hoặc nhận. Có nghĩa là, một hồ sơ mà người nhận không thể hiểu được hoặc không sử dụng được là một vấn đề riêng biệt với việc hồ sơ đó được gửi hay nhận*.*

- Xác định hồ sơ có thể chuyển nhượng: Một hệ thống đáp ứng và một người được coi là có quyền kiểm soát một hồ sơ có thể chuyển nhượng, nếu hồ sơ có thể chuyển giao được tạo, lưu trữ và gán theo cách: Tồn tại một bản sao ủy quyền duy nhất của hồ sơ có thể chuyển nhượng, là duy nhất, có thể nhận dạng và, ngoại trừ được quy định khác trong những mục được xác định trong Luật và không thể thay đổi.

- Điều khoản tùy chọn để mỗi Tiểu bang xem xét thông qua. Trong số các rào cản đối với thương mại điện tử là các rào cản tồn tại trong việc sử dụng các phương tiện điện tử của các cơ quan chính quyền Nhà nước - dù là giữa chính họ hay trong giao dịch với bên ngoài với khu vực tư nhân.

* + 1. **Các định nghĩa quan trọng:**

- **Electronic record:** Hồ sơ điện tử - là hồ sơ được tạo, gửi, truyền nhận, nhận hoặc lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

**- Electronic signature:** Chữ ký điện tử - là âm thanh, ký hiệu hoặc quy trình điện tử được gắn vào hoặc liên kết một cách hợp lý với một hồ sơ và được thực hiện hoặc thông qua bởi một người có ý định ký hồ sơ.

**5. Một số chính sách quan trọng liên quan đến hoạt động giao dịch điện tử tại một số quốc gia**

**5.1. Chính sách quy định về dữ liệu**

Tầm quan trọng của việc quản lý, bảo vệ và chia sẻ dữ liệu trong khu vực công đang được quan tâm ở các nước trong tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD. Điều này kích thích việc phát triển chiến lược dữ liệu quốc gia tổng thể. Các chiến lược này thường được lồng ghép trong các nỗ lực số hóa khu vực công. Các điểm đáng chú ý bao gồm Chiến lược Dữ liệu liên bang của Hoa Kỳ, Lộ trình Chiến lược dữ liệu của Canada cho dịch vụ công liên bang, Chương trình nghị sự về dữ liệu của Chính phủ ở Hà Lan và Chiến lược dữ liệu cho dịch vụ công của Ireland.

Chương trình nghị sự về dữ liệu của Chính phủ Hà Lan tập trung vào giá trị của dữ liệu như một công cụ để giải quyết các thách thức về chính sách và xã hội. Bộ Nội vụ và Quan hệ Vương quốc Hà Lan dẫn đầu việc thực hiện chương trình nghị sự, nhưng cả chính quyền trung ương và địa phương đều chịu trách nhiệm thực hiện chương trình này.

Tại Ireland, Chính phủ trung ương đã đưa ra Chiến lược dữ liệu dịch vụ công cho giai đoạn 2019-2023. Chiến lược dữ liệu của Ireland dựa trên các sáng kiến ​​và công cụ chính sách về dữ liệu trước đó, bao gồm Cơ sở hạ tầng dữ liệu quốc gia và Chiến lược dữ liệu mở. Chiến lược dữ liệu của Ireland nêu rõ sự cần thiết của việc mang lại một cách tiếp cận thống nhất cho các sáng kiến ​​dữ liệu khu vực công và xác định các nguyên tắc, mục tiêu và hành động được chia sẻ để hỗ trợ sự gắn kết của khu vực công

**5.1.1. Chính sách dữ liệu của Mỹ**

Chiến lược dữ liệu liên bang Mỹ được khởi xướng vào tháng 3 năm 2018 theo chương trình nghị sự của Tổng thống Mỹ. Mục tiêu của chiến lược dữ liệu là tận dụng dữ liệu làm tài sản chiến lược để phát triển toàn diện. Dựa trên sáng kiến ​​này, với ý kiến ​​đóng góp từ các cơ quan chính phủ và các bên liên quan bao gồm cả trong khối chính phủ và phi chính phủ.

Vào tháng 6 năm 2019, chính phủ Hoa Kỳ đã ban hành Chiến lược dữ liệu liên bang, trong đó đưa ra tầm nhìn 10 năm nhằm khai thác toàn bộ tiềm năng của các tài sản dữ liệu liên bang của đất nước trong khi đảm bảo khả năng an ninh, quyền riêng tư và bí mật. Chiến lược dữ liệu tập trung vào ba nguyên tắc cốt lõi là quản trị đạo đức, thiết kế có ý thức và văn hóa học tập. Chiến lược bổ sung một số sáng kiến, chính sách, mệnh lệnh hành pháp và luật hiện có mà trong vài thập kỷ qua đã giúp Hoa Kỳ trở thành người dẫn đầu về quản lý chiến lược và tái sử dụng dữ liệu của chính phủ.

Chiến lược Dữ liệu Liên bang được phát triển và cập nhật theo chu kỳ. Một nhóm gồm 57 thành viên từ khắp Chính phủ Liên bang, đại diện cho 23 cơ quan, đã soạn thảo Chiến lược Dữ liệu Liên bang và Kế hoạch Hành động 2020. Trong quá trình triển khai, nhóm đã tích cực tìm kiếm và kết hợp phản hồi từ các nhân viên Liên bang và công chúng thông qua một loạt các đợt xin ý kiến, các diễn đàn liên bang và diễn đàn công khai.

Để nắm bắt mối liên hệ giữa nhu cầu của người dùng và việc quản lý thích hợp tài nguyên dữ liệu, chiến lược dữ liệu bao gồm gồm 10 nguyên lý, 40 thực tiễn hướng dẫn các đại lý trong suốt quá trình áp dụng chiến lược. Để đảm bảo hơn nữa việc thực hiện chiến lược một cách nhất quán trong giai đoạn đầu, các cơ quan liên bang phải tuân thủ các kế hoạch hành động hàng năm của chính phủ bao gồm các bước ưu tiên, khung thời gian và các đơn vị chịu trách nhiệm. Phiên bản dự thảo của Kế hoạch hành động chiến lược dữ liệu liên bang 2019-2020 bao gồm 16 bước được coi là quan trọng để khởi động giai đoạn đầu của tầm nhìn chiến lược dữ liệu, bao gồm việc phát triển khung đạo đức dữ liệu và đào tạo khoa học dữ liệu cho nhân viên liên bang.

***10 nguyên lý gồm:***

Nhóm đạo đức quản trị:

- Theo dõi và đánh giá thực tiên, cân bằng giữa bảo vệ và phục vụ công cộng;

- Thực hiện quản trị hiệu quả, bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư cá nhân; bảo đảm quyền quy cập và sử dụng phù hợp;

- Thúc đẩy minh bạch, nêu rõ mục đích sử dụng, thông báo về quá trình sử dụng dữ liệu cho người cung cấp dữ liệu và chủ dữ liệu.

Nhóm có ý thức thiết kế dữ liệu:

- Bảo đảm: Chất lượng; Toàn vẹn; Xác thực; Chính xác; Khách quan; Dễ tiếp cận; Hữu ích; Dễ hiểu; Kịp thời;

- Sử dụng dữ liệu hiện có: sử dụng lại nếu có thể; bổ sung nếu cần;

- Dự đoán tương lai: tạo dữ liệu chu đáo; xem xét giá trị sử dụng cho người khác; đặt kế hoạch sử dụng lại; xây dựng liên thông ngay từ đầu;

- Phản ứng kịp thời: Cải tiến thu thập, phân tích và phổ biến liên tục; Thực hiện theo chu kỳ ; thiếu lập đường cơ sở, hỗ trợ, phối hợp, tinh chỉnh liên tục.

Nhóm văn hóa học tập

- Đầu tư vào học tập: văn hóa học tập liên tục; đầu tư liên tục vào dữ liệu và nguồn nhân lực;

- Phát triển nhà lãnh đạo về dữ liệu;

- Trách nhiệm: phân công thực hiện; kiểm toán; thay đổi khi cần thiết.

***40 thực tiễn gồm:***

***(i) Nhóm*** ***văn hóa coi trọng dữ liệu và thúc đẩy sử dụng công cộng:***

* Chỉ ra dữ liệu cần để trả lời các câu hỏi của tổ chức;
* Đánh giá và Cân bằng các nhu cầu của các cán bộ liên quan;
* Tăng cường khai thác;
* Sử dụng dữ liệu để ra quyết định;
* Sẵn sàng chia sẻ;
* Khai thác chuyên sâu;
* Sử dụng dữ liệu để tăng tính trách nhiệm;
* Làm cơ sở để cộng đồng giám sát cơ quan nhà nước: Giải quyết niềm tin của công chúng về giá trị, tính chính xác, tính khách quan và bảo vệ quyền riêng tư của dữ liệu liên bang để cải thiện chiến lược, nâng cao nhiệm vụ của cơ quan và cải thiện thông điệp công khai về việc sử dụng dữ liệu liên bang theo kế hoạch và tiềm năng;
* Thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan;
* Cung cấp minh bạch và thúc đẩy sử dụng: đảm bảo đủ nguồn lực; thúc đẩy trách nhiệm giải trình; đổi mới.

***(ii) Nhóm quản trị, quản lý và bảo vệ dữ liệu:***

* Ưu tiên hoạt động quản trị dữ liệu;
* Bảo vệ bí mật, riêng tư của cá nhân;
* Bảo vệ toàn vẹn của dữ liệu;
* Tính xác thực;
* Đánh giá trưởng thành;
* Kiểm kê tài sản dữ liệu;
* Khai thác giá trị tiêm năng ;
* Tầm nhìn dài hạn;
* Xây dựng và cung cấp tài liệu về dữ liệu đầy đủ;
* Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa dữ liệu;
* Ban hành đầy đủ 1uy chế quản lý, vận hành;
* Chỉ ra các cơ hội và vượt rào cản trong sự phát triển khi sử dụng dữ liệu;
* Thúc đẩy sự tham gia người dân vào sửa đổi dữ liệu;
* Bảo quản dữ liệu an toàn và hiệu quả;
* Phối hợp dữ liệu giữa các cơ quan để thúc đẩy xây dựng và chia sẻ dữ liệu;
* Thúc đẩy chia sẻ giữa các cơ quan trung ương và địa phương.

***(iii) Nhóm thúc đẩy sử dụng hiệu quả và phù hợp:***

* Thúc đẩy sử dụng hiệu quả và phù hợp;
* Tăng cường năng lực quản lý và phân tích dữ liệu;
* Chất lượng phù hợp với mục đích;
* Thiết kế để sử dụng và tái sử dụng;
* Tuyên truyền về lợi ích và giá trị tiềm năng;
* Cơ chế thẩm quyền truy cập rõ ràng;
* Khai thác an toàn;
* Thúc đẩy dữ liệu mở;
* Đa dạng hóa phương thức truy cập;
* Đánh giá rủi ro;
* Hợp tác phát triển;
* Hợp tác với doanh nghiệp để giảm chi phí: Thu phí sử dụng; Thuê dịch vụ dữ liệu;
* Sử dụng nền tảng hợp tác;
* Hỗ trợ và chuyển giao công nghệ;
* Thúc đẩy tham gia của xã hội bao gồm các chuyên gia, doanh nghiệp, cộng đồng trong việc phát triển và nghiên cứu khoa học về dữ liệu.

Hàng năm, Chính phủ Mỹ triển khai các kế hoạch hành động để thực thi Chiến lược.

**5.1.2. Chính sách dữ liệu của New Zealand**

Chiến lược dữ liệu NewZealand được triển khai năm 2018 và được xây dựng bao gồm các nội dung sau:

***(i) Nhận diện rào cản trong xây dựng và khai thác dữ liệu hiện tại:***

- Rào cản về tính khả dụng của dữ liệu:

+ Khó khăn tìm kiếm, không biết dữ liệu gì khả dụng để khai thác;

+ Không sử dụng được dữ liệu hiện có vì không biết nguồn dữ liệu nào có để sử dụng;

- Rào cản về quyền quy cập:

+ Không sử dụng dữ liệu hiện có vì không chắc chắn hoặc không biết về quyền quy cập của mình.

- Rào cản về xử lý yêu cầu dữ liệu:

+ Xử lý yêu cầu dữ liệu không nhất quán và không hiệu quả;

+ Hồi đáp dữ liệu yêu cầu có thể là gánh nặng cho cơ quan, đơn vị và nó có thể mất thời gian dài để nhận dữ liệu.

- Rào cản về chi phí

+ Cơ chế tính phí có thể giới hạn truy cập do tạo sự bất bình đẳng cho cá nhân, tổ chức;

+ Truy cập dữ liệu hiện có không luôn công bằng và toàn diện.

***(ii) Định hướng phát triển dữ liệu của New Zealand*** là xác định dữ liệu như hạ tầng phát triển (Data as Infrastructure) với một số đặc điểm sau:

 - Dữ liệu có chất lượng sử dụng cho hiện tại và tương lai;

 - Tương tác và liên kết dữ liệu;

 - Dữ liệu chung, cơ bản và phải nhất quán;

 - Cung cấp tin cậy;

 - Quản lý minh bạch và chịu trách nhiệm. Xác định rõ vai trò của từng đối tượng quản lý dữ liệu, duy trì dữ liệu. Phối hợp chặt chẽ giữa các đối tượng để cải tiến dữ liệu theo thời gian.

***(iii) Các chủ điểm của Chiến lược dữ liệu.***

 - Đầu tư vào việc xây dựng dữ liệu khả dụng.

- Tăng khả năng và thực hiện.

- Xây dựng mối quan hệ.

- Thực thi mở dữ liệu và tạo sự minh bạch.

**5.1.3. Chính sách dữ liệu của Úc**

Úc xây dựng chiến lược dữ liệu cho giai đoạn 2018-2020. Chiến lược được chia thành 2 phần chính là phần nguyên lý và phần chiến lược. Nguyên lý chiến lược xác định các thách thức và cơ hội đối với việc phát triển dữ liệu.

***(i) Thách thức***

- Dữ liệu hiện tại trong cơ quan chính phủ đang tồn tại độc lập dưới dạng Silo. Các hệ thống thiếu kết nối. Hơn nữa, chính sách quản lý dữ liệu phức tạp.

- Con người: sự hạn chế về nhân lực, hiểu biết là các thách thức hiện nay. Cụ thể: Sự không tin tưởng khi chia sẻ dữ liệu; sự lo ngại về rủi ro về riêng tư, đạo đức; Không hiểu cơ hội, giá trị của dữ liệu.

- Thách thức về quy trình: Dữ liệu không cập nhật; Không nhất quán; Chi phí cao khi sử dụng dữ liệu kém.

- Thách thức về công nghệ: với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ; dữ liệu tồn tại hiện nay không phù hợp với công nghệ mới; các công nghệ cũ đang sử dụng làm cản trở sự phát triển.

- Về văn hóa: văn hóa không cởi mở để theo kịp thay đổi; không ưu tiên dữ liệu và không nhận thức giá trị của dữ liệu. Cán bộ thiếu khả năng sử dụng dữ liệu; Lãnh đạo không coi trọng dữ liệu trong ra quyết định và trợ giúp điều hành

***(ii) Cơ hội:***

- Lãnh đạo cấp cao đang tích cực trong thực hiện các hoạt động chuyển đổi số, nhận thức được vai trò của dữ liệu.

- Sử dụng dữ liệu làm bằng chứng ra quyết định đang đi vào thực tế và đóng vai trò quan trọng trong chỉ đạo và quản trị đất nước.

- Xây dựng niềm tin để chia sẻ dữ liệu.

- Đa dạng về dữ liệu hiện có

- Nắm bắt cách làm việc mới sáng tạo là cơ hội để bứt phá về dữ liệu

- Hợp tác với người dân, doanh nghiệp để tạo các sáng kiến và tầm nhìn chung.

- Trao quyền cho người dân để khai thác dữ liệu của Chính phủ và để họ tham gia vào công việc nhà nước

***(iii) Nội dung định hướng chiến lược.***

Úc xác định 4 trụ cột định hướng chiến lược như sau:

- S1. Đào tạo kỹ năng và nâng cao nhận thức

- S2. Văn hóa coi trọng sự phân tích dữ liệu: xây dựng văn hóa định hướng dữ liệu Data-Driven; Phân tích dữ liệu làm cơ sở để chỉ đạo điều hành

- S3. Làm cho dữ liệu chất lượng cao hơn và giá trị hơn sẵn sàng để sử dụng: xây dựng dữ liệu tin cậy, an toàn và giá trị; phát triển dữ liệu mở; Tăng cường truy cập dữ liệu vào DataHub

- S4. Sử dụng phân tích và trình diễn dữ liệu để định hướng quyết định.

**5.1.4. Chính sách dữ liệu của Canada**

Chiến lược dữ liệu Canada được xây dựng và ban hành năm 2018 được trình bày các nội dung bao gồm các vướng mắc hiện tại; nhận diện cơ hội về dữ liệu số; đề ra các nguyên tắc hành động; xác định mục tiêu; xác định hành động để đạt được mục tiêu và các giải pháp triển khai thực hiện. Cụ thể:

***(i) Vướng mắc - Cơ hội:***

- Vướng mắc

+ Không phải luôn được truy cập dữ liệu cần

+ Không biết các cơ quan nhà nước khác có dữ liệu liên quan đến mình

+ Không cộng tác và chia sẻ dữ liệu

+ Không giám sát đối với sử dụng dữ liệu

+ Không được tận dụng hiệu quả khi ra quyết định, chưa sử dụng dữ liệu làm bằng chứng để thực hiện các hoạt động quản trị

+ Dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp không được cải tiến nhất quán thông qua sử dụng và phân tích

+ Không có kỹ năng cần thiết sử dụng dữ liệu hiệu quả

- Nhận diện cơ hội khi khai thác dữ liệu số:

+ Tận dụng dữ liệu như tài sản chiến lược đối với người dân Canada

+ Duy trì tính hợp pháp và uy tín của Chính phủ trong xã hội ngày càng phức tạp

+ Chỉ đạo các nguồn lực một cách thích hợp và khai thác các cơ hội để cải thiện tác động

+ Giúp người lao động thích nghi và cạnh tranh trong một thị trường lao động thay đổi

+ Bảo vệ công dân khỏi việc lạm dụng dữ liệu của họ và tác động bất lợi của công nghệ

***(ii) Nguyên tắc trong phát triển dữ liệu số bao gồm:***

- Người dân làm trung tâm

- Tin cậy

- Kịp thời

- Mở dữ liệu của cơ quan nhà nước

- Kích hoạt tiềm năng của dữ liệu

- Phát triển dữ liệu hướng mục đích.

***(iii) Mục tiêu***

* Tăng cường dịch vụ công
* Khai thác dữ liệu phục vụ công cộng mạnh mẽ hơn
* Bảo vệ thông tin cá nhân
* Quản trị dữ liệu đáng tin cậy và hợp lý, được coi là một tài sản chiến lược có giá trị
* Tăng cường khả năng hỗ trợ ra quyết định thông tin bằng chứng
* Cung cấp thông tin báo cáo về hiện trạng phát triển đất nước kết quả tốt hơn
* Tăng cường hợp tác nội bộ và liên cơ quan nhà nước

***(iv) Hành động***

* Quản trị dữ liệu mạnh mẽ, tăng cường lãnh đạo, quản lý
* Tăng tính khả dụng và khả năng tương tác của dữ liệu
* Tăng khả năng phân tích dữ liệu và hiểu biết dữ liệu rộng hơn
* Tích hợp dữ liệu và phân tích vào các quá trình ra quyết định
* Văn hóa đổi mới và thử nghiệm
* Cơ sở hạ tầng CNTT mạnh mẽ
* Nâng cao năng lực trong việc biết và sử dụng dữ liệu

***(v) Giải pháp***

- Phát triển văn hóa dữ liệu và đầu tư vào con người: phát triển văn hóa; đào tạo kỹ năng; tăng cường tuyển dụng, duy trì; phát triển, đào tạo.

- Môi trường, cơ sở hạ tầng: hạ tầng, công cụ; bảo mật, toàn vẹn; Riêng tư; Pháp luật, chính sách hỗ trợ;

- Dữ liệu như tài sản: Lập kế hoạch quản lý; Sử dụng; Chất lượng; Lưu trữ; Chia sẻ và truy cập.

- Tăng cường các hoạt động quản trị dữ liệu

- Kết nối và chia sẻ, khai thác dữ liệu để tận dụng giá trị dữ liệu.

**5.1.5. Chính sách dữ liệu của Ailen**

Tại Ai len, chính phủ trung ương đã đưa ra Chiến lược dữ liệu dịch vụ công cho giai đoạn 2019-2023. Chiến lược dữ liệu của Ai len dựa trên các sáng kiến ​​và công cụ chính sách về dữ liệu trước đó, bao gồm Cơ sở hạ tầng dữ liệu quốc gia và Chiến lược dữ liệu mở. Chiến lược dữ liệu của Ai len nêu rõ sự cần thiết của việc mang lại một cách tiếp cận thống nhất cho các sáng kiến ​​dữ liệu khu vực công và xác định các nguyên tắc, mục tiêu và hành động được chia sẻ để hỗ trợ sự gắn kết của khu vực công

Chiến lược dữ liệu Ai len được xây dựng với các nội dung bao gồm tầm nhìn chiến lược; các nguyên lý phát triển và các chủ đề chiến lượng trọng tâm.

***(i) Tầm nhìn chiến lược của Ai len*** là phát triển một hệ sinh thái về dữ liệu trên cơ sở lợi ích từ cả cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

***(ii) Các nguyên lý chiến lược:***

- Minh bạch dữ liệu:

+ Dữ liệu được thu thập từ người dân, doanh nghiệp và dịch vụ công

+ Dữ liệu được xử lý theo cách minh bạch: Người dân theo dõi và biết được thông tin cá nhân của mình do ai nắm giữ, chia sẻ cho ai và sử dụng mục đích gì.

 + Dữ liệu có thể công bố thì nên công bố để giúp người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

- Sử dụng lại dữ liệu:

+ Dữ liệu là được dùng lại:

* Được dùng lại bởi cơ quan nhà nước trên toàn quốc.
* Phải đảm bảo mức tối thiểu khi khai thác.
* Ưu tiên truy cập theo cách kiểm tra đúng, sai.
* Thực thi nguyên tắc Once-Only không yêu cầu cung cấp trùng lặp dữ liệu
* Giảm lưu trữ bản sao dữ liệu để thúc đẩy chia sẻ.
* Sử dụng dữ liệu chủ (base registry) và chỉ thu thập thêm dữ liệu khi chưa được thu thập qua quá trình đăng ký trong dữ liệu chủ.

+ Dữ liệu được thu thập và duy trì qua dữ liệu chủ (base registry): Nguồn dữ liệu tin cậy về các thông tin cơ bản như: con người; doanh nghiệp, phương tiện giao thông mà được xác thực và có tính pháp lý cao.

+ Dữ liệu được truy cập qua API để hỗ trợ chia sẻ, liên thông.

- Quản trị dữ liệu và kiểm soát

+ Dữ liệu được xử lý chặt chẽ theo pháp luật:

* Đảm bảo riêng tư.
* Tôn trọng bảo mật.
* Xử lý theo pháp luật.
* Dữ liệu thu thập phải có mục đích rõ ràng.
* Phải có thông tin kiểm soát (audit).
* Người dân, doanh nghiệp có thể xem ai xử lý, khai thác.

+ Quản trị hiệu quả:

* Dữ liệu được quản lý trong hệ thống chính thức và đảm bảo an toàn, có kiểm soát, đảm bảo hiệu suất.
* Quản trị thống nhất trên toàn Chính phủ bởi: các quy tắc, tiêu chuẩn, hướng dẫn, công cụ, quy chế, thủ tục, vai trò và trách nhiệm.
* Có cơ chế chỉ đạo, giám sát để dữ lệu đúng đắn, tin cậy, toàn vẹn, khả dụng, có thể khai thác và an toàn.

- Số hóa: Tăng cường thu thập và số hóa dữ liệu.

- Phân tích dữ liệu: Dữ liệu được sử dụng làm bằng chứng hỗ trợ ra quyết định.

- Dữ liệu riêng tư và bảo mật: Xử lý an toàn và riêng tư; bảo vệ bởi các truy cập bên trong và ngoài; luôn có tư duy ngầm định là bảo vệ rính riêng tư của dữ liệu.

(iii) Chủ đề chiến lược

* Bảo vệ và pháp lý: Luật chia sẻ và quản trị dữ liệu; Tạo nền tảng để chia sẻ tuân thủ; Mỗi CQNN tuân thủ bảo vệ dữ liệu cá nhân.
* Quản trị và tiêu chuẩn: Thiết lập ban quản trị dữ liệu để giám sát; Hoàn thiện các tiêu chuẩn, hướng dẫn.
* Riêng tư và an toàn. Xây dựng hệ thống quản lý định danh cá nhân trên toàn quốc MyGovID
* Tăng cường số hóa
* Kết nối liên thông
* Thúc đẩy phân tích dữ liệu
* Khai phá dữ liệu để tạo ra các giá trị mới
* Định danh tin cậy
* Phát triển các cơ sở dữ liệu gốc, CSDL quốc gia.
* Tăng cường minh bạch
* Nâng cao năng lực về dữ liệu
* Xây dựng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.
* Phát triển hệ thống quản lý Record Management.

**5.2. Chính sách quy định về nền tảng số và giao dịch số trực tuyến của quốc tế**

Hiện nay, trên thế giới, khung pháp lý quản lý các nền tảng số là một vấn đề khá mới và chưa có khung khổ pháp lý thống nhất cũng như thực tiễn tốt được công nhận chung trong việc quản lý lĩnh vực này. Một số quốc gia hay khu vực tài phán ban hành các văn bản pháp luật để điều chỉnh một số khía cạnh trọng hoạt động của nền tảng số, trong khi đó, một số quốc gia khác có vẻ có xu hướng vận dụng các quy định pháp luật hiện hành đã có. Có những khu vực tài phán thì sử dụng thuật ngữ "nền tảng số - digital platform" nhưng cũng có những khu vực tài phán thì sử dụng thuật ngữ "nền tảng trực tuyến - online plafform". Báo cáo này sẽ chỉ trình bày mô hình một số ít các khu vực tài phán/quốc gia đã có khung khổ pháp lý riêng quản lý đối với nền tảng số mà Bộ Thông tin và truyền thông dự kiến nghiên cứu, đưa vào dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi.

* + 1. **Châu Âu**

Trong số các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, dường như Châu Âu là một trong những khu vực tài phán có khung khổ pháp lý cập nhật, toàn diện nhất với các văn bản pháp luật đã được ban hành để quản lý các nền tảng số như:

Liên quan đến trách nhiệm của các nhà cung cấp nền tảng dịch vụ trung gian trực tuyến (một loại hình nền tảng số), từ năm 2000, Liên minh Châu Âu đã ban hành Chỉ thị về thương mại điện tử, trong đó có quy định điều khoản về miễn trừ trách nhiệm liên quan đến thông tin vi phạm cho các nhà cung cấp dịch vụ trung gian chỉ đóng vai trò là: người chuyển giao thông tin giữa các người dùng hoặc cung cấp kết nối (mere conduit); bên lưu trữ thông tin một cách tự động, tạm thời (caching) hoặc lưu trữ thông tin theo yêu cầu của người dùng (hosting). Các nhà cung cấp dịch vụ trung gian không bị bắt buộc phải chủ động rà soát, giám sát các thông tin để được hưởng miễn trừ trách nhiệm.

Ngày 20/6/2019, Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ban hành Quy định (EU)2019/1150 về thúc đẩy công bằng, minh bạch dành cho người sử dụng doanh nghiệp của các dịch vụ trung gian trực tuyến. Quy định (EU) 2019/1150 giới thiệu các quy tắc đầu tiên quy định về mối quan hệ giữa các nền tảng dịch vụ trung gian trực tuyến và người dùng doanh nghiệp của họ. Kể từ khi được thông qua vào tháng 7 năm 2019, quy định này sẽ được áp dụng trực tiếp đối với hệ thống pháp luật của các quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu. Quy định này hướng tới áp dụng cho toàn bộ nền kinh tế nền tảng trực tuyến với hàng ngàn dịch vụ trung gian trực tuyến đang hoạt động ở EU, trong đó, có thể sẽ bao gồm: Các trang web quảng cáo và đấu giá trực tuyến; chợ thương mại điện tử; kho ứng dụng phần mềm; truyền thông xã hội; và các công cụ tìm kiếm.Quy định này đề ra các quy tắc mới để cấm một số hành vi không công bằng, chẳng hạn như thay đổi các điều khoản và điều kiện trực tuyến một cách vô cớ, yêu cầu xếp hạng minh bạch và cơ chế xử lý khiếu nại nội bộ cũng như ủy quyền cho các tổ chức và hiệp hội đại diện đại diện cho người dùng doanh nghiệp chống lại các hành vi vi phạm quy tắc của các nền tảng trực tuyến và các nhà cung cấp công cụ tìm kiếm.Về phạm vi và đối tượng áp dụng, Quy định (EU) 2019/1150 sẽ áp dụng đối với các nhà cung cấp dịch vụ trung gian trực tuyến và nhà cung cấp công cụ tìm kiếm trực tuyến (“Nhà cung cấp nền tảng trực tuyến”) ở bất cứ nơi đâu trên thế giới cung cấp dịch vụ cho người dùng doanh nghiệp được thành lập ở EU, cung cấp hàng hóa / dịch vụ cho người tiêu dùng ở EU. Nhà cung cấp nền tảng trực tuyến cũng có thể bao gồm những dịch vụ tạo điều kiện thuận lợi cho việc bắt đầu các giao dịch trực tiếp giữa người dùng doanh nghiệp và người tiêu dùng, bất kể giao dịch cuối cùng được kết thúc trực tuyến hay chúng có liên quan đến bất kỳ khoản thanh toán tiền tệ nào hay không.

Trong khung khổ pháp lý có hiệu lực hiện nay của Châu Âu, chưa có một định nghĩa rõ ràng và có hiệu lực pháp lý để làm rõ thế nào là "Nền tảng số" hay "Nền tảng trực tuyến". Tuy nhiên, các nền tảng trực tuyến mang tính chất trung gian, tạo môi trường để các bên tương tác, giao dịch hàng hóa, dịch vụ đang được điều chỉnh bởi Quy định (EU)2019/1150 về thúc đẩy công bằng, minh bạch dành cho người sử dụng doanh nghiệp của các dịch vụ trung gian trực tuyến. Quy định (EU) 2019/1150 ban hành bởi Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 20/6/2019.

 Mục đích của Quy định này là góp phần vận hành đúng chức năng của thị trường nội bộ (EU) bằng cách đặt ra các quy tắc để đảm bảo rằng người dùng doanh nghiệp của dịch vụ trung gian trực tuyến và người dùng website của doanh nghiệp liên quan đến các công cụ tìm kiếm trực tuyến được cung cấp sự minh bạch, công bằng và hiệu quả. Quy chế này sẽ áp dụng cho các dịch vụ trung gian trực tuyến và các công cụ tìm kiếm trực tuyến.

Một trong những đặc điểm quan trọng của dịch vụ trung gian trực tuyến được nêu tại Quy định này là: dịch vụ trung gian trực tuyến "cho phép người dùng doanh nghiệp cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ cho người tiêu dùng, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bắt đầu các giao dịch trực tiếp giữa người dùng doanh nghiệp đó và người tiêu dùng, bất kể nơi mà các giao dịch đó được kết thúc cuối cùng"

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, Liên minh Châu Âu thông qua Đạo luật Thị trường kỹ thuật số (Digital Markets Act - DMA) để nâng cao tính cạnh tranh và đảm bảo quyền được lựa chọn của người tiêu dùng

Đạo luật đảm bảo việc kết hợp dữ liệu cá nhân cho mục đích quảng cáo sẽ chỉ được phép khi có sự đồng ý rõ ràng của người tiêu dùng và cũng cho phép người tiêu dùng tự do lựa chọn trình duyệt, trợ lý ảo hoặc công cụ tìm kiếm phù hợp.

Theo đánh giá của Ủy ban Bảo vệ Người tiêu dùng và Thị trường Nội bộ, Đạo luật sẽ thiết lập các nguyên tắc cơ bản để nâng cao tính cạnh tranh, thiết lập các tiêu chuẩn về cách thức hoạt động của nền kinh số, tạo ra sự đổi mới và nhiều sự lựa chọn cho người tiêu dùng trên môi trường Internet. Từ phía các doanh nghiệp, Đạo luật sẽ chấm dứt sự thống trị ngày càng gia tăng của các công ty công nghệ khổng lồ, đồng thời, tạo ra cơ hội cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đạo luật DMA điều chỉnh các công ty lớn cung cấp "dịch vụ nền tảng cốt lõi" (core platform services) ví dụ như các mạng xã hội hoặc các công ty cung cấp công cụ tìm kiếm, đặc biệt khi các công ty này có thể lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường để thực hiện các hoạt động kinh doanh không công bằng. Đạo luật quy định các yêu cầu với các công ty như phải chia sẻ một số loại dữ liệu nhất định với các đối thủ cạnh tranh và cơ quan quản lý. Ngoài ra, Ủy ban Châu Âu có quyền áp dụng mức phạt lên đến 10% tổng doanh thu toàn cầu của công ty và 20% trong trường hợp công ty vi phạm nhiều lần. Trong trường hợp hành vi vi phạm có quy mô lớn, mang tính hệ thống, Ủy ban có thể cấm họ mua lại các công ty khác trong một khoảng thời gian nhất định.

DMA: Đưa ra phân loại về các nền tảng cốt lõi ("core platform") như sau :

(a) dịch vụ trung gian trực tuyến; (ví dụ: chợ, cửa hàng ứng dụng và dịch vụ trung gian trực tuyến trong các lĩnh vực khác như di động, vận tải hoặc năng lượng)

(b) công cụ tìm kiếm trực tuyến;

(c) các dịch vụ mạng xã hội trực tuyến;

(d) các dịch vụ nền tảng chia sẻ video;

(e) các dịch vụ liên lạc giữa các cá nhân không phụ thuộc vào số điện thoại;

(f) hệ điều hành;

(g) dịch vụ điện toán đám mây;

(h) dịch vụ quảng cáo, bao gồm bất kỳ mạng quảng cáo nào, sàn giao dịch quảng cáo và bất kỳ dịch vụ trung gian quảng cáo nào khác, được cung cấp bởi nhà cung cấp bất kỳ dịch vụ nền tảng cốt lõi nào được liệt kê từ điểm (a) đến (g).

* + 1. **Nhật Bản**

Ngày 3 tháng 6 năm 2020, Nhật Bản đã ban hành Đạo luật về cải thiện tính minh bạch và công bằng của các nền tảng kỹ thuật số (TFDPA) nhằm mục đích cải thiện tính minh bạch và công bằng của các nền tảng kỹ thuật số. Luật có hiệu lực vào ngày 1 tháng 2 năm 2021. Đạo luật này quy định các biện pháp cần thiết đối với nền tảng kỹ thuật số, bao gồm yêu cầu nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số tiết lộ các điều khoản và điều kiện và thông tin khác cho người dùng (doanh nghiệp và người tiêu dùng); đảm bảo tính công bằng trong việc vận hành nền tảng kỹ thuật số; gửi báo cáo hàng năm về tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tự đánh giá.

Đạo luật cũng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét hoạt động kinh doanh, đánh giá sự tuân thủ của nền tảng dựa trên báo cáo hàng năm và các thông tin khác có sự tham gia của người dùng doanh nghiệp, người tiêu dùng, đồng thời công bố công khai kết quả đánh giá. Đạo luật này quy định rằng chính phủ phải đảm bảo các cam kết cần thiết tối thiểu và thực thi các quy định từ các nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số, trên cơ sở các nhà cung cấp đó phải thực hiện các nỗ lực tự nguyện và chủ động nhằm cải thiện tính minh bạch và công bằng của các nền tảng kỹ thuật số của họ.

**5.2.3. Trung Quốc**

Các hoạt động trực tuyến được thúc đẩy mạnh, đa dạng với đông đảo người dùng nhờ sự phát triển nhanh của Internet và công nghệ số. Các ứng dụng mạng xã hội và mua sắm điển hình như QQ, WeChat, TaoBao và AliBaba giúp kết nối người dùng Trung Quốc rất dễ dàng, hợp lí và dễ sử dụng. Đáng lưu ý là tiêu dùng trực tuyến tại Trung Quốc năm 2016 đạt 3.900 tỷ RMB, đóng góp 0,26 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng GDP là 6,7%. Tiêu dùng trực tuyến đã trở thành một trong những lĩnh vực kinh tế sáng tạo nhất, tăng trưởng nhanh nhất và được chấp nhận rộng rãi nhất, trở thành động lực lớn khuyến khích nhu cầu tiêu dùng trong nước, tạo ra nhiều công ăn việc làm và thúc đẩy nâng cấp cơ cấu công nghiệp. Theo đó, chính phủ Trung Quốc khẳng định khuyến khích tiêu dùng trực tuyến trong những năm tới. Mục tiêu là tới cuối năm 2020, hoạt động tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ thông tin trực tuyến tại nước này sẽ tăng trưởng với tốc độ bình quân hàng năm ít nhất là 11% với tổng doanh thu 6.000 tỷ RMB (khoảng 900 tỷ USD). Đây là một phần quan trọng trong nỗ lực của Chính phủ Trung Quốc nhằm kích thích nhu cầu tiêu dùng trong nước và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trung Quốc cũng xác định sẽ thực hiện ưu đãi và hỗ trợ cho các lĩnh vực như điện tử thông minh, giáo dục và điều trị y tế trực tuyến, thương mại điện tử, mạng di động 5G, và các dịch vụ viễn thông tại những khu vực nông thôn.

Ngày 15/3/2021, Trung Quốc ban hành Nghị định số 37 về quản lý nhà nước về thị trường . Văn bản này được ban hành nhằm hướng dẫn luật thương mại điện tử năm 2018 của Trung Quốc các vấn đề liên quan đến giao dịch điện tử trực tuyến ("online transaction"). Trong đó, Nghị định này định nghĩa "Nhà điều hành nền tảng giao dịch trực tuyến như được đề cập trong các Biện pháp này đề cập đến một pháp nhân hoặc thể nhân, người cung cấp cơ sở kinh doanh trực tuyến, đối sánh giao dịch, phát hành thông tin và các dịch vụ khác cho hai hoặc nhiều bên tham gia giao dịch trong các hoạt động giao dịch trực tuyến, để hai hoặc nhiều bên có thể tiến hành các hoạt động giao dịch trực tuyến một cách độc lập"

Ở góc độ liên quan đến bảo đảm cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới phát triển và bảo vệ người tiêu dùng, theo Dự thảo về Hướng dẫn phân loại và chấm điểm các nền tảng Internet (đang được dự thảo và xin ý kiến công chúng bởi Cơ quan quản lý thị trường của Trung Quốc), các nền tảng được chia thành 6 loại theo người dùng mục tiêu và chức năng chính, là bán hàng trực tuyến, dịch vụ thiết yếu, giải trí xã hội, thông tin, dịch vụ tài chính và ứng dụng máy tính, và chia thành 3 cấp độ theo tính đến quy mô người dùng, loại hình kinh doanh và khả năng hạn chế, cụ thể là nền tảng cực lớn, nền tảng lớn và nền tảng vừa và nhỏ.

Các tiêu chí cụ thể cho các nền tảng cực lớn bao gồm: (1) cơ sở người dùng cực lớn, tức là số lượng người dùng hoạt động trong nước hàng năm không dưới 500 triệu; (2) đa dạng các loại hình kinh doanh, tức là kinh doanh cốt lõi liên quan đến ít nhất hai loại và sáu khía cạnh bao gồm bán hàng trực tuyến, dịch vụ cuộc sống, giải trí xã hội, thông tin, dịch vụ tài chính và ứng dụng máy tính; (3) khối lượng kinh tế siêu lớn, tức là vốn hóa thị trường (ước tính) của nền tảng vào cuối năm trước không dưới 1 nghìn tỷ NDT; (4) khả năng siêu hạn chế, tức là siêu có thẩm quyền trong việc hạn chế quyền truy cập của người bán đối với người tiêu dùng (người dùng).

* + 1. **Thái Lan**

Chính phủ Thái Lan đang xem xét ban hành Nghị định về "Giám sát dịch vụ kinh doanh nền tảng số thuộc đối tượng phải thông báo trước" (Gọi tắt là Nghị định về Dịch vụ nền tảng số). Nghị định này được ban hành nhằm hướng dẫn Luật Giao dịch điện tử năm 2001 của Thái Lan,

Tại Dự thảo Nghị định Hoàng gia về quản lý nền tảng số (sắp được thông qua), Chính phủ Thái lan quy định:

 "*Dịch vụ nền tảng kỹ thuật số" có nghĩa là sự cung cấp các dịch vụ nền tảng số để phục vụ như một trung gian có không gian để kết nối người dùng doanh nghiệp với người tiêu dùng trên nền tảng kỹ thuật số sử dụng mạng máy tính*."

Dự thảo Nghị định yêu cầu nhà vận hành nền tảng số xuyên biên giới phải chỉ định đại diện tại Thái Lan cũng như thực hiện các thủ tục thông báo tới cơ quan phát triển giao dịch điện tử của Thái Lan (Thailand’s Electronic Transactions Development Agency (ETDA)).

* + 1. **Indonesia**

Indonesia không có định nghĩa hay sử dụng thuật ngữ "nền tảng số" hay "nền tảng trực tuyến" trong văn bản pháp luật của mình. Tuy nhiên, các nền tảng số được hiểu là đang được điều chỉnh bởi Nghị định số 71 của Chính phủ Indonesia (được thông qua năm 2019) và Quy định số 05 của Bộ Thông tin truyền thông Indonesia.

Theo đó, tổ chức, doanh nghiệp vận hành nền tảng trực tuyến có thể được coi là "Người vận hành Hệ thống Điện tử" trong phạm vi tư nhân bao gồm:

+ Người vận hành Hệ thống Điện tử được Bộ hoặc Tổ chức quản lý hoặc giám sát dựa trên các quy định của pháp luật; và

+ Người vận hành Hệ thống Điện tử có cổng thông tin, trang web, hoặc ứng dụng thông qua internet mà được dùng cho:

- Việc cung cấp, quản lý, và / hoặc vận hành việc chào hàng và / hoặc mua bán hàng hóa và / hoặc dịch vụ;

- Việc cung cấp, quản lý, và / hoặc vận hành các dịch vụ giao dịch tài chính;

- Việc phân phối các tài liệu hoặc nội dung kỹ thuật số có trả phí thông qua mạng dữ liệu bằng cách tải xuống thông qua các cổng hoặc trang web, phân phối bằng thư điện tử, hoặc thông qua các ứng dụng khác tới thiết bị của người dùng;

- Việc cung cấp, quản lý, và / hoặc vận hành các dịch vụ truyền thông bao gồm nhưng không giới hạn ở tin nhắn ngắn, cuộc gọi thoại, cuộc gọi video, thư điện tử, và hội thoại trực tuyến dưới dạng nền tảng kỹ thuật số, dịch vụ mạng và mạng xã hội;

- Dịch vụ công cụ tìm kiếm, dịch vụ cung cấp Thông tin Điện tử dưới dạng chữ viết, âm thanh, hình vẽ, hoạt hình, âm nhạc, video, phim, và trò chơi hoặc sự kết hợp một số và / hoặc tất cả chúng; và / hoặc

- Việc xử lý Dữ liệu cá nhân cho các hoạt động tác nghiệp phục vụ công chúng liên quan đến hoạt động Giao dịch Điện tử".

* + 1. **Hoa Kỳ**

Hoa Kỳ là quốc gia đang dẫn đầu thị trường nền tảng số trên toàn cầu, một số dự luật về nền tảng đang được các nhà làm luật đề xuất để để điều chỉnh, quản lý các nền tảng trực tuyến khổng lồ. Đặc biệt, vào tháng 6 năm 2021, sáu (06) dự luật để điều chỉnh nền tảng đã được Ủy ban Tư pháp Hạ viện thông qua.

Các dự luật này dự kiến áp dụng cụ thể cho các trang web, ứng dụng trực tuyến hoặc di động, hệ điều hành, trợ lý kỹ thuật số hoặc dịch vụ trực tuyến (1) cho phép người dùng tạo nội dung trên nền tảng mà người dùng khác có thể xem hoặc tương tác với nội dung khác trên nền tảng . (2) tạo điều kiện thuận lợi cho việc chào bán, mua bán, thanh toán hoặc phân phối hàng hóa hoặc dịch vụ, bao gồm cả các ứng dụng phần mềm, giữa người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp không bị nền tảng kiểm soát; hoặc (3) truy cập hoặc hiển thị một lượng lớn thông tin.

Ví dụ: theo dự luật về "Chấm dứt sự độc quyền của nền tảng" (thông qua ngày 11/6/2021).

Thuật ngữ "online platform - nền tảng trực tuyến" có nghĩa là một trang web, ứng dụng trực tuyến hoặc di động, hệ điều hành, trợ lý kỹ thuật số hoặc dịch vụ trực tuyến:

+ cho phép người dùng tạo nội dung để những người dùng khác trên nền tảng có thể xem hoặc để tương tác với các nội dung khác trên nền tảng;

+ tạo điều kiện cho việc chào bán, mua bán, thanh toán hoặc vận chuyển hàng hóa hoặc dịch vụ, bao gồm các ứng dụng phần mềm, giữa những người tiêu dùng hoặc các doanh nghiệp không được kiểm soát bởi nền tảng; hoặc

+ cho phép người dùng tìm kiếm hoặc truy vấn truy cập hoặc hiển thị một lượng lớn thông tin.

* 1. **Chính sách hỗ trợ thúc đẩy giao dịch điện tử trong hệ thống các cơ quan nhà nước tại một số quốc gia**
		1. **Sự dịch chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số**

Trong 20 năm qua, hầu hết các nước trên thế giới đều đã tuyên bố và triển khai các chương trình phát triển Chính phủ điện tử. Nhưng kể từ khi xuất hiện các công nghệ đột phá, được biết đến với tên gọi chung là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tiến trình chuyển đổi hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức lên môi trường số một cách toàn diện mới thực sự có cơ hội tăng tốc, bứt phá.
Nhiều nước trên thế giới sớm nhận ra xu hướng này và nhanh chóng có những hành động cụ thể.

Thứ nhất, tuyên bố chiến lược phát triển Chính phủ số, chẳng hạn, Singapore tháng 6/2018, Úc tháng 12/2018, Thái Lan tháng 10/2019, Nhật Bản tháng 12/2019. Tháng 2/2020, Tổng thống Indonesia Joko Widodo tuyên bố khởi động xây dựng chiến lược Chính phủ số của Indonesia với mục tiêu cải thiện vị trí xếp hạng của Indonesia trong khu vực (trong ASEAN hiện Indonesia xếp thứ 7, sau Singapore, Malaysia, Brunei, Thái Lan, Phillipine và Việt Nam. Cả 5 quốc gia trong nhóm dẫn đầu khu vực ASEAN đều đã tuyên bố chiến lược phát triển chính phủ số). Sở dĩ có xu hướng chuyển sang Chính phủ số không phải vì kết thúc phát triển Chính phủ điện tử, mà nhờ việc xuất hiện các công nghệ đột phá, nên tiến trình chuyển đổi số có cơ hội bứt phá, diễn ra nhanh hơn.

Thứ hai, tất cả các bản chiến lược của các nước đều có khoảng thời gian là 05 năm hoặc ngắn hơn. Do ý thức được sự thay đổi nhanh chóng về mặt công nghệ, chiến lược của các nước đều nhấn mạnh đến khả năng thay đổi, thích ứng linh hoạt.

Thứ ba, trong sự chuyển dịch từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số, các nước đều nhấn mạnh đến vai trò của dữ liệu như là “dầu mỏ”, là “năng lượng” tạo động lực cho sự chuyển đổi và chú trọng phân tích dữ liệu và tận dụng hiệu quả các công nghệ số. Phân tích dữ liệu, dựa trên dữ liệu và công nghệ số để thiết kế, chuyển đổi mô hình hoạt động, phương thức vận hành và cung cấp dịch vụ theo hướng tối ưu, chất lượng hơn, ra quyết định linh hoạt, kịp thời hơn, tối ưu hóa nguồn lực quốc gia, giải quyết những vấn đề lớn mang tính quốc gia để nâng cao đời sống người dân, bảo đảm an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội.

Xu hướng chuyển đổi số là xu hướng lớn, xảy ra trên bình diện thế giới, mang tính không thể đảo ngược, nhất là với bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn rất phức tạp, càng thúc đẩy các quốc gia chuyển đổi mạnh mẽ hơn. Quốc gia nào kịp thời nắm bắt, đi nhanh, đi trước sẽ thu được lợi ích lớn hơn, đi trước những quốc gia còn chần chừ. Vì vậy, việc phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số ở nước ta có tầm quan trọng đặc biệt, mang lại hiệu ứng lan tỏa, đẩy nhanh tiến trình cải cách, dẫn dắt chuyển đổi số, kiến tạo phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số để xây dựng đất nước phát triển, thịnh vượng.

* + 1. **Các trụ cột quan trọng của Chính phủ số**

Báo cáo xếp hạng Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử năm 2020 của Liên Hợp Quốc đã phân tích các nội dung phát triển Chính phủ số của các nước và tổng hợp có 09 trụ cột chính để phát triển Chính phủ số, bao gồm:

*(1) Tầm nhìn, lãnh đạo, tư duy đổi mới:*

Nâng cao khả năng lãnh đạo chuyển đổi số, thay đổi tư duy, năng lực chuyển đổi số đến từng cá nhân; có chiến lược phát triển Chính phủ số gắn liền với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

*(2) Khung pháp lý, thể chế:*

Phát triển môi trường pháp lý gồm cả khung pháp lý đầy đủ cho Chính phủ số và khung pháp lý thử nghiệm chính sách.

*(3) Tổ chức và văn hoá:*

Chuyển đổi mô hình tổ chức, thiết lập sứ mệnh, hình thành văn hoá, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.

*(4) Tư duy hệ thống:*

Thúc đẩy tư duy hệ thống và phát triển cách tiếp cận tổng thể trong quá trình hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ.

*(5) Quản trị dữ liệu:*

Bảo đảm quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở để phát triển kinh tế - xã hội.

*(6) Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông:*

Xây dựng hạ tầng kết nối băng rộng, sử dụng công nghệ tiên tiến; bảo đảm kết nối, liên thông, an toàn an ninh mạng.

*(7) Các nguồn lực:*

Huy động các nguồn lực phù hợp với các kế hoạch, mức độ ưu tiên, bao gồm cả hình thức đối tác công tư để phát triển Chính phủ số.

*(8) Năng lực của các tổ chức đào tạo:*

Nâng cao năng lực của các tổ chức đào tạo hành chính công để bảo đảm phát triển nhân lực cho Chính phủ số.

*(9) Năng lực xã hội:*

Phát triển kỹ năng số cho người dân để không ai bị bỏ lại phía sau, giảm khoảng cách số.

* + 1. **Một số xu hướng trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số**

*(1) Thu thập dữ liệu một lần (Once only):* Thu thập dữ liệu một lần có nghĩa là người dân và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp một lần đối với một loại thông tin/dữ liệu cho một cơ quan hành chính nhà nước. Điều này thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp khi cung cấp các thông tin cho cơ quan nhà nước.

Quốc gia điển hình đưa ra sáng kiến này là Estonia, được thể hiện trong Luật về Thông tin công cộng (Public Information Act) từ năm 2007. Nguyên tắc này được coi như kim chỉ nam trong việc triển khai Chính phủ điện tử tại Estonia. Hiện nay, nguyên tắc này đã được cộng đồng Châu Âu áp dụng rộng rãi và chính thức đưa vào Kế hoạch triển khai tại các nước Châu Âu giai đoạn 2016-2020. Trong khối Châu Âu, nhiều giải pháp đã được đưa ra xung quanh nguyên tắc “chỉ một lần/once only” nhằm mục tiêu hợp lý hoá việc sử dụng các nguồn dữ liệu xác thực và thúc đẩy giao tiếp giữa các hệ thống CNTT khác nhau của các cơ quan hành chính. Cách tiếp cận này dự kiến sẽ tiết kiệm được khoảng 5 tỷ Euro mỗi năm trên toàn khối. Các lợi ích thu được bao gồm: đảm bảo kiểm soát tốt hơn dữ liệu khi dữ liệu chỉ được cung cấp một lần, giảm sai sót và sai lệch; giúp các cơ quan nhà nước làm việc nhanh hơn, minh bạch và hiệu quả hơn, qua đó tiết kiệm chi phí; giảm thiểu gian lận thông qua việc sử dụng thông tin thống nhất, theo thuộc thẩm quyền.

*(2) Bảo vệ dữ liệu cá nhân:* Trong quá trình chia sẻ dữ liệu khi cung cấp các dịch vụ Chính phủ số, việc bảo mật dữ liệu cá nhân là đặc biệt quan trọng, tạo lòng tin cho người dân sử dụng dịch vụ. Tại các quốc gia phát triển, đặc biệt là ở châu Âu, Luật về bảo mật thông tin đã được ban hành thống nhất từ tháng 5/2018 trên toàn bộ 28 quốc gia và là quy định bắt buộc mọi công ty hoạt động tại châu Âu phải tuân thủ.

*(3) Ứng dụng điện toán đám mây:*Phát triển Chính phủ số cần phải dựa trên hạ tầng, dịch vụ số đồng bộ, phù hợp. Tuy nhiên, các cơ quan Chính phủ thường rất khó khăn trong việc bố nguồn nhân lực, tài lực và thời gian để đầu tư và duy trì hạ tầng và các dịch vụ số theo nhu cầu. Ứng dụng điện toán đám mây là một giải pháp tốt giải quyết vấn đề này. Khi sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây, các cơ quan Chính phủ có thể quản lý, cấp phát tài nguyên số tập trung, linh hoạt, tối ưu, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Các dịch vụ điện toán đám mây có thể được cung cấp, duy trì bởi các doanh nghiệp chuyên nghiệp, điều này làm giảm thiểu gánh nặng về nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT trong các chính phủ.

Đa số các quốc gia hiện nay đều đã triển khai hoặc đang có kế hoạch ứng dụng điện toán đám mây trong khu vực nhà nước quy mô quốc gia. Một số quốc gia đã triển khai xây dựng nền tảng điện toán đám mây toàn chính phủ gọi là G-Cloud, như Chính phủ Áo, Pháp, Tây Ban Nha, Thái Lan, Vương Quốc Anh và một số quốc gia khác. Mô hình phổ biến nhất bao gồm: Dịch vụ cơ sở hạ tầng (IaaS), dịch vụ nền tảng (PaaS) và dịch vụ ứng dụng (SaaS).

*(4) Ra quyết định dựa trên dữ liệu:* Quá trình sử dụng phân tích dữ liệu, biến tất cả dữ liệu thành thông tin có ích phục vụ chỉ đạo, điều hành, ra quyết định. Sử dụng hiệu quả dữ liệu là mối liên kết giữa quản trị và xây dựng năng lực, thông tin chi tiết về dữ liệu có thể được thu thập để cải thiện việc phân phối dịch vụ. Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản có kế hoạch phát triển một hệ thống để giúp đỡ nạn nhân thiên tai bằng cách sử dụng dữ liệu lớn được thu thập từ các nguồn như Internet và dữ liệu hệ thống định vị toàn cầu từ điện thoại thông minh và thiết bị định vị xe hơi. Hệ thống sẽ cho phép các cơ quan hành chính ngay lập tức xác định các chuyển động của các nạn nhân ngay sau khi xảy ra thảm họa để đưa ra quyết định hỗ trợ, ứng phó kịp thời, hiệu quả; hay tại nước Mỹ, dữ liệu liên quan tới người dân được phân tích để theo dõi phân bổ dân số theo màu da ở các vùng trên toàn nước Mỹ. Tại Boston Mỹ, dữ liệu được sử dụng để xây dựng hệ thống hỗ trợ điều hành cho Thị trưởng theo dõi về vấn đề an toàn trong cộng đồng (diễn biến tình hình tội phạm hàng năm, số vụ tăng/giảm; dịch chuyển dân số đến/đi khỏi thành phố theo mùa, độ tuổi,…) để có các quyết sách phù hợp, hiệu quả;….

Trên đây là Báo cáo tổng hợp kinh nghiệm quốc tế phục vụ xây dựng Luật Giao dịch điện tử của Việt Nam./.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**